


THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



EVNPECC2

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
Tên tiếng Anh:	POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2
Tên viết tắt	PECC2
Logo Công ty	
Giấy đăng ký kinh doanh số:	0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/10/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/07/2016
Vốn điều lệ:	50.987.794.000 VNĐ
Địa chỉ:	32 Ngô Thời Nhiệm, P.7, Q.3, TP HCM
Điện thoại:	(84.8) 222 11 057 Fax: (84.8) 222 10 408
Website:	http://www.pecc2.com
Mã chứng khoán:	TV2

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1981, thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc xây dựng công trình nguồn điện đầu tiên ở phía Nam kể từ sau ngày thống nhất đất nước, các kỹ sư, công nhân của Bộ Năng lượng (chủ yếu là lực lượng đang tham gia xây dựng công trình thủy điện Hòa Bình) đã được điều động vào Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện nhiệm vụ triển khai công tác khảo sát và các bước nghiên cứu, thiết kế chuẩn bị khởi công xây dựng thủy điện Trị An, công trình trọng điểm của Quốc gia. Đó chính là sự ra đời của Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2), một đơn vị trực thuộc Bộ Năng lượng, vào ngày 01 tháng 7 năm 1985.



*Nhà máy Thủy điện Trị An
mở đầu cho thời kỳ phát triển nguồn điện
phía Nam*

Ngày 11/01/1999, Công ty được đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Từ ngày 01/11/2007, Công ty đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2), trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 51,26% cổ phần.

Từ ngày 13/10/2009, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.



✚ Với những thành tích đã đạt được, Công ty đã được trao tặng:



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC
LẬP HẠNG BA – NĂM 2005



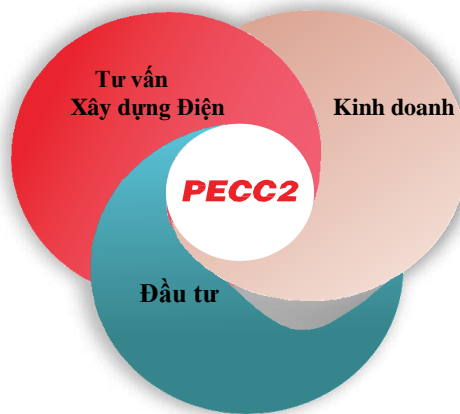
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHÌ – NĂM 2010



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC
LẬP HẠNG NHẤT – NĂM
2015

và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ, chính quyền địa phương và Huân chương Lao động cho các đơn vị thành viên và cá nhân.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng các công trình nguồn điện, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng. Quản lý dự án và thi công xây dựng công trình điện lực, công nghiệp, dân dụng. Tư vấn quản lý dự án. Đo vẽ địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý, thí nghiệm cơ lý đất đá, cát, cuội, sỏi, nước ngầm, vật liệu xây dựng. Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình, địa chất; khảo sát, điều tra tác động môi trường, bồi thường, tái định canh, định cư các dự án đầu tư xây dựng. Khảo sát địa hình xây dựng công trình. Khảo sát đo đạc địa hình xây dựng công trình. Khảo sát địa chất công trình, thi công phần nền móng công trình. Thiết kế điện cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế). Thiết kế xây dựng công trình điện. Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình giao thông

(cầu, đường bộ). Thiết kế phần thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình thủy điện. Giám sát lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình. Thiết kế phần thủy văn các công trình thủy lợi, thủy điện. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp và mỏ. Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ. Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình. Tư vấn đầu tư. Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Đo đạc bản đồ địa hình, địa chính. Xây dựng cảng đường thủy. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông đường thủy. Giám sát công tác lắp đặt hệ thống xử lý chất thải công trình dân dụng – công nghiệp. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng – công nghiệp. Thiết kế kết cấu công trình đường dây và trạm. Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình đường dây và trạm. Thẩm tra thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế). Thiết kế cơ điện, nhiệt lạnh công trình xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình cảng, đường thủy. Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình cảng, đường thủy. Thẩm tra thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện. Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, viễn thông, công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông, công trình ngầm, cơ sở hạ tầng. Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện. Xây lắp đường dây và trạm điện từ 35 KV trở xuống, nhà máy thủy điện nhỏ.

- Chuẩn bị mặt bằng

Chi tiết: Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường. Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tư vấn về môi trường. Tư vấn giải pháp công nghệ sản xuất sạch hơn, thiết lập cơ chế phát triển sạch.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Thành Phố Hồ Chí Minh).

- Hoạt động thể thao khác.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Chi tiết: Chế tạo thiết bị cơ khí (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại (không sản xuất tại trụ sở công ty).

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị xây dựng. Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng.

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phụt chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng. Hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng. Xuất khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại

Chi tiết: Sản xuất phụ kiện, dụng cụ chuyên ngành điện, gia công chế tạo cột điện các loại, cột ăng ten viễn thông (không sản xuất tại trụ sở công ty).

- Sản xuất thiết bị điện khác

Chi tiết: Sản xuất phụ kiện điện, các dụng cụ chuyên ngành điện (không sản xuất tại trụ sở công ty).

- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ).

- Hoạt động của các cơ sở thể thao

Chi tiết: Sân vận động bóng đá, sân cầu lông, sân bóng bàn, sân bóng chuyền, sân tennis.

- Đại lý, môi giới, đấu giá

Chi tiết: Đại lý phần mềm

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm

- Sản xuất phần mềm

Chi tiết: sản xuất phần mềm

- Lập trình máy vi tính

Chi tiết: Viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng.

- Hoạt động dịch vụ CNTT và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
- Buôn bán kim loại và quặng kim loại

Chi tiết: Bán buôn thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu. Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (Chữ T, chữ L ...)

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

Chi tiết: thiết kế hệ thống phòng cháy – chữa cháy công trình xây dựng. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thiết kế mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng. Thiết kế hệ thống tự động điều khiển công trình xây dựng. Thiết kế hữu tuyến vô tuyến điện công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật công trình xây dựng. Giám sát kiến trúc, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật công trình xây dựng. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cảng – đường thủy. Giám sát xây dựng hệ thống phòng cháy – chữa cháy công trình xây dựng. Giám sát xây dựng hệ thống cấp thoát nước công trình xây dựng. Giám sát lắp đặt mạng thông tin – liên lạc công trình xây dựng. Giám sát lắp đặt hệ thống tự động điều khiển công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật

ĐỊA BÀN KINH DOANH

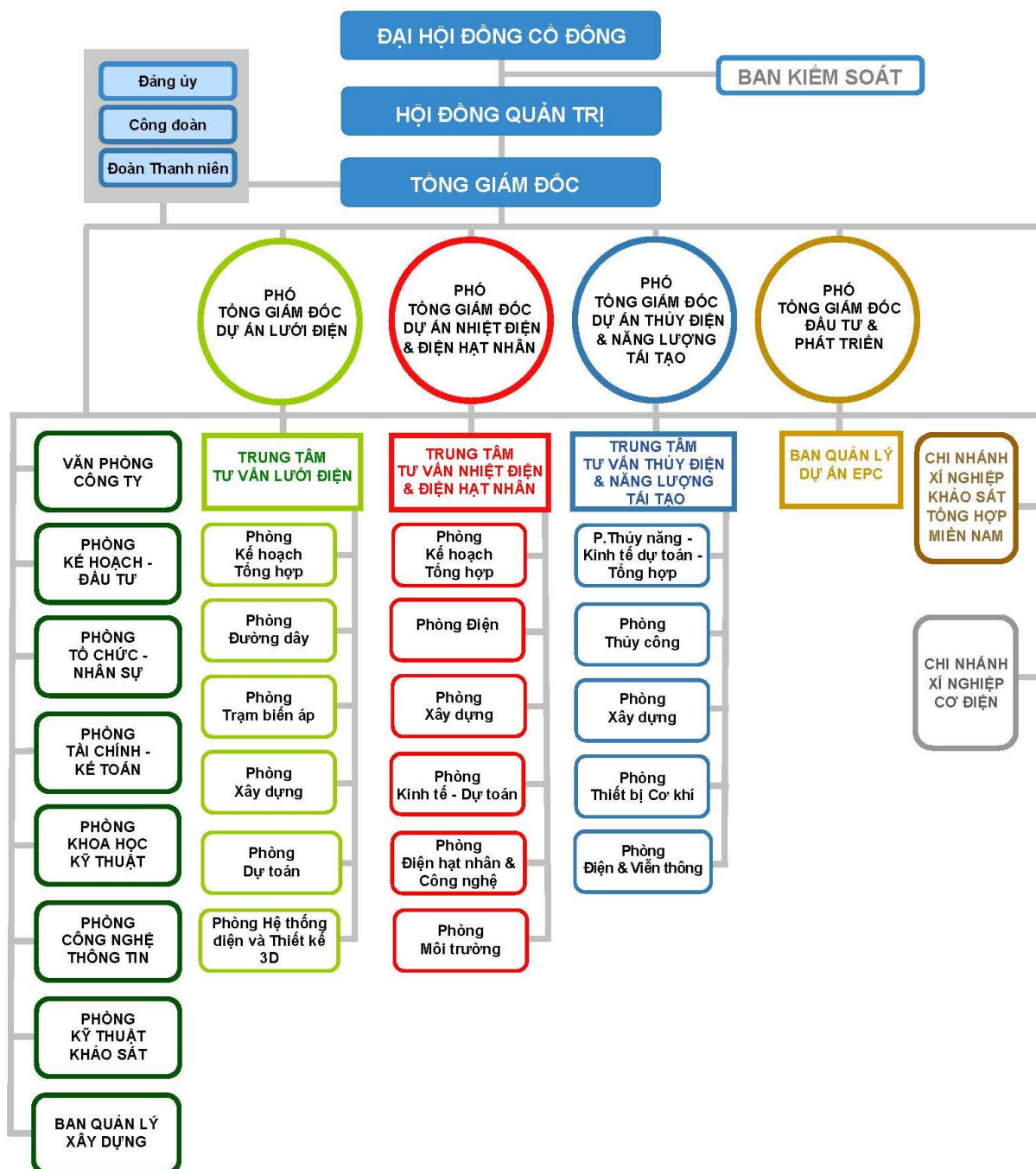
Địa bàn hoạt động của Công ty không những chỉ ở các dự án khắp mọi miền trong cả nước mà còn vươn ra các nước trong khu vực như Campuchia, Lào.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

✚ Mô hình quản trị

Với đặc thù là một đơn vị tư vấn, mô hình quản trị, tổ chức sản xuất được mô tả theo sơ đồ dưới đây:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



✚ Cơ cấu bộ máy quản lý

Là một công ty cổ phần, cùng với việc tuân thủ các quy định về pháp luật của Nhà nước, cần phải thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong Điều lệ của Công ty, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 có cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.

✚ Các đơn vị trong Công ty



TRUNG TÂM TƯ VẤN NHIỆT ĐIỆN VÀ ĐIỆN HẠT NHÂN



TRUNG TÂM TƯ VẤN LƯỚI ĐIỆN



TRUNG TÂM TƯ VẤN THỦY ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO



XÍ NGHIỆP CƠ ĐIỆN

Số 45, đường số 2, Kp 8, P.Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TPHCM

ĐT: (84 8) 22180 922; (84 8) 37311 406

Fax: (84 8) 38966 777

Email: xncd@pecc2.com



XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT TỔNG HỢP MIỀN NAM

Số 45 đường Dân Chủ, P.Bình Thọ,
Q. Thủ Đức, TPHCM

ĐT: (84 8) 38965 279 Fax: (84 8)38960 045

Email: xnks@pecc2.com

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tâm nhìn

TV2 là một thương hiệu mạnh về tư vấn năng lượng trong khu vực, định hướng khách hàng, có nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống quản lý hiện đại, không ngừng phát triển về quy mô và lĩnh vực hoạt động.

Sứ mệnh

1. Cung cấp cho khách hàng dịch vụ và sản phẩm có chất lượng tốt nhất, phù hợp với các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế;
2. Hợp tác hiệu quả với các đối tác tin cậy, liên tục gia tăng giá trị công ty, lợi ích cổ đông và thu nhập của người lao động;
3. Luôn cải tiến quy trình sản xuất và quản lý, hiện đại hóa công nghệ để đáp ứng thách thức trong môi trường ngày càng cạnh tranh;
4. Đào tạo, huấn luyện, bổ sung và nâng cao năng lực của đội ngũ người lao động, xây dựng hệ thống đãi ngộ hợp lý để duy trì và phát triển nguồn nhân lực;
5. Bảo vệ và gia tăng lợi ích chung cho cộng đồng và xã hội.

PHƯƠNG CHÂM LÀM VIỆC

VỚI KHÁCH HÀNG

Cam kết luôn đồng hành cùng thành công của dự án, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 lấy việc thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về tiến độ và chất lượng của dịch vụ mà mình cung cấp làm mục tiêu quan trọng hàng đầu, xem sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng là thành công của chính Công ty.

VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Tạo điều kiện và khuyến khích tính năng động, sáng tạo của cá nhân, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, tập thể và tạo sự gắn bó giữa cán bộ công nhân viên với Công ty, phấn đấu nâng cao thu nhập cho người lao động trên cơ sở đánh giá đúng năng lực và hiệu quả công việc của mỗi người, xây dựng tinh thần hợp tác, đoàn kết là động lực để Công ty không ngừng phát triển.

VỚI CỔ ĐÔNG

Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong cung cấp thông tin tới các cổ đông; đảm bảo quyền lợi và lợi ích, phấn đấu nâng cao hiệu quả đầu tư và cổ tức cho cổ đông.

VỚI ĐỐI TÁC

Tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng trên nguyên tắc tôn trọng, cạnh tranh lành mạnh vì lợi ích của cộng đồng, khách hàng và của Công ty.

VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Chấp hành luật pháp, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chú trọng đến các hoạt động mang tính xã hội thiết thực và nhân đạo, với phương châm chung tay vì sự phát triển cộng đồng.



✚ Mục tiêu của Công ty

Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho Người lao động, các Cổ đông, Công ty và xã hội.

Không ngừng nâng cao năng lực, khảo sát, thiết kế, giám sát và quản lý xây dựng các công trình đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ và cam kết theo hợp đồng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng; Phấn đấu thành một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng và đầu tư các công trình điện và công nghiệp.

✚ Tình hình hoạt động

Trải qua hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát thiết kế và giám sát xây dựng các công trình nguồn và lưới điện, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 đã trưởng thành vượt bậc với quy mô lớn mạnh về năng lực tư vấn, nguồn nhân lực và các phương tiện chuyên dụng.

Sự vươn lên không ngừng và thành quả đạt được của Công ty gắn liền với hàng chục công trình nguồn điện (nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và hàng trăm công trình lưới điện (đường dây tải điện và trạm biến áp) đã được đưa vào vận hành, đang thi công và đang chuẩn bị khởi công xây dựng. Trong đó, các công trình tiêu biểu là thủy điện Trị An, Thác Mơ, Hàm Thuận – Đa Mi, Srokphumiêng, Đại Ninh, A Vương, Buôn Kuốp, Srêpok 3, Đồng Nai 3 & 4, ĐakMi 4, thủy điện tích năng Đơn Dương, ĐakTi'nh, Hạ Sê San 1/5; các công trình nhiệt điện tại Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, Ô Môn, Cà Mau, Nhơn Trạch, Vĩnh Tân, Duyên Hải, Sơn Mỹ, Kiên Lương, Mông Dương 2, Sông Hậu 1, 2; đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè – Phú Lâm, 500kV Bắc Nam mạch 1 và 2, 500kV Sơn La - Hiệp Hòa, cáp ngầm 220kV Nhà Bè – Tao Đàn; cáp ngầm xuyên biển Hà Tiên-Phú Quốc, TBA 500/220kV Nhà Bè, TBA 500kV Tân Định, TBA 500kV Ô Môn, trạm GIS Tao Đàn, v.v... Đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu điện trong giai đoạn tới, TV2 đã cung cấp dịch vụ khảo sát và tư vấn cho Nhà máy thủy điện hạt nhân Ninh thuận 1 và Ninh Thuận 2.



NMNĐ Duyên Hải 1, một trong những công trình cấp bách Thủ tướng giao cho ngành Điện VN, TV2 làm tư vấn chính đầu tiên thực hiện từ GĐ triển khai dự án tới GĐ thi công



Đập tràn piano do TV2 thiết kế, công trình thủy điện Đak Mĩ 4B



Thủy điện Đồng Nai 5



NMNĐ Ô Môn (2x330MW), TV2 phối hợp với TEPCO làm tư vấn chính



NMNĐ Phú Mỹ 1 (1090MW), đánh dấu bước trưởng thành về năng lực tư vấn



Toàn cảnh Vinh Tân 4, khu vực Nhà máy chính đang thi công, TV2 là thành viên của Tổ hợp nhà thầu EPC



Trạm biến áp 500 KV Nhà Bè



Đường dây 500kV Pleiku – Mỹ Phước – Cầu Bông

Phạm vi, loại hình và chất lượng dịch vụ của TV2 cũng không ngừng được nỗ lực mở rộng và nâng cao, với các dự án EPC, PMC, các dự án điện hạt nhân, thủy điện tích năng, lưới điện thông minh, năng lượng tái tạo, ứng dụng công nghệ mới trong khảo sát và thiết kế.

Vươn lên cùng với sự phát triển không ngừng của ngành điện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, TV2 luôn nỗ lực chinh phục từng vận hội, khẳng định một thương hiệu Việt uy tín trên các công trình Điện trong nước và khu vực.

Slogan “Giải pháp trí tuệ, Thành công bền vững” đã đúc kết quá trình bền bỉ, đoàn kết lao động, sáng tạo và phát triển của tập thể Tư vấn Điện 2. Từ chỗ

chỉ là tư vấn phụ của tư vấn nước ngoài cho các dự án điện tại Việt Nam, TV2 đã từng bước trưởng thành làm tư vấn chính cho thiết kế xây dựng hàng loạt công trình. Uy tín của TV2 dần được khẳng định nhờ tinh thần năng động tiếp thu, tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại, đổi mới phương thức làm việc, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Sự hợp tác tích cực với các công ty, tổ chức tư vấn nước ngoài cũng đã góp phần nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của TV2 qua từng dự án.

Là đơn vị tư vấn, lợi thế của Công ty là nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, máy móc thiết bị hiện đại, phương pháp quản lý và làm việc đang từng bước được chuyên nghiệp hóa. Trong từng lĩnh vực hoạt động, Công ty đều có các chuyên gia kỹ thuật giàu kinh nghiệm đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đồ án, thể hiện tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng ngoại ngữ, tin học và năng lực điều hành quản lý dự án.

Cùng với chính sách mở cửa và đa dạng hóa các nhà đầu tư vào ngành điện, ngoài khách hàng chính là các đơn vị thuộc EVN, Công ty đã và đang thực hiện dịch vụ tư vấn cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, như PV, TKV, IDICO, GCC1, CSG, v.v...

Tính chuyên nghiệp, trình độ và kinh nghiệm của Công ty còn được tích lũy thông qua sự hợp tác có hiệu quả với các cơ quan tư vấn nước ngoài của Mỹ, Canada, Thụy Điển, Pháp, Thụy Sĩ, Ailen, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, Nga, v.v.... Công ty đã đóng vai trò cầu nối giữa thị trường dự án điện trong nước với các công ty tư vấn, nhà cung cấp thiết bị điện và các tổ chức tài chính quốc tế.

Định hướng phát triển

Từng bước xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp và đảm bảo mọi yêu cầu của khách hàng về tiến độ và chất lượng của dịch vụ và luôn đồng hành cùng sự thành công của dự án chính là sứ mệnh mà Công ty luôn phấn đấu. Chiến lược này cũng là mục tiêu và chính sách chất lượng của Công ty trong Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.

Ngoài lĩnh vực hoạt động chính là dịch vụ tư vấn, với lợi thế về địa điểm và đất đai cũng như kinh nghiệm lựa chọn dự án, Công ty đã và đang nghiên cứu để phát triển thêm dịch vụ và đầu tư nhằm mục đích nâng cao thu nhập của người lao động và gia tăng lợi ích của cổ đông.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2008

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14001:2004

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng, TV2 đã xây dựng và đưa vào áp dụng thành công Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Hệ thống Quản lý chất lượng của Công ty đã được tổ chức BVQI chứng nhận từ năm 2002 và đã được Quacert tái chứng nhận vào các năm 2005, 2008 và 2012. Hệ thống gồm gần 30 quy trình tài liệu, chi phối mọi lĩnh vực hoạt động khảo sát và thiết kế của Công ty, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn về trách nhiệm của lãnh đạo, về quản lý nguồn lực, về các quá trình hình thành sản phẩm, về đo lường, phân tích và cải tiến.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO của TV2 thường xuyên được cải tiến và được đánh giá giám sát hàng năm. Qua 10 năm vận hành, hệ thống ISO này đã phát huy tác dụng, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ do TV2 cung cấp.

Từ tháng 2 năm 2014, TV2 chính thức được TUV NORD cấp chứng chỉ và đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.

Tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh của TV2 luôn tuân thủ các quy định an toàn lao động và các quy định của ISO 14001 về môi trường.



CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Với mong muốn vươn lên thành một thương hiệu mạnh về tư vấn năng lượng trong khu vực, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cam kết:

Thường xuyên cập nhật và cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động nhằm phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về chất lượng, tạo sự đồng nhất về chất lượng của mọi sản phẩm, dịch vụ và giải pháp mà chúng tôi cung cấp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.



CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cam kết: trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn thân thiện với môi trường, giảm tiêu hao tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu pháp luật và yêu cầu khác về môi trường; không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng môi trường làm việc, áp dụng công nghệ mới tiên tiến thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất.

CÁC RỦI RO

Công ty luôn đặt Quản trị rủi ro lên hàng đầu, thông qua việc nhận định đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự tác động của các rủi ro sau đây:

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

– Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

– Rủi ro tỷ giá: Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD). Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá.

– Rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi.

– Rủi ro giá: Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động, Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

– Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu của khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

– Rủi ro thanh khoản: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai

nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Rủi ro về pháp lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán, Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp..... Tuy nhiên sự thay đổi của Luật và các bản hướng dẫn thi hành và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Và khả năng nắm vững các yêu cầu pháp lý (luật, nghị định...) liên quan đến công tác đầu tư xây dựng chưa cao. Điều này đòi hỏi Công ty phải luôn chú trọng đến việc nghiên cứu, cập nhật và phổ biến các quy định mới của Pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng các quy định hạn chế đến mức thấp nhất các biến động của sự điều chỉnh pháp lý.

Rủi ro về nguồn nhân lực

Đối với những hoạt động trong lĩnh vực tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nhân lực, chảy máu chất xám là một trong những rủi ro quan trọng đối với những doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Khi gia nhập nền kinh tế thế giới với những nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu sẽ tham gia vào thị trường tư vấn điện tại Việt Nam với những lợi thế về trình độ nhân sự, có kinh nghiệm trong những công trình lớn với công nghệ tiên tiến. Do đó, công ty luôn chú trọng đến chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo cán bộ để duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao.

Rủi ro về chiếm dụng vốn

Rủi ro quan trọng nhất đối với các Công ty là đơn vị tư vấn, khảo sát, thiết kế là còn khoản nợ từ các dự án. Các công ty phải chịu rủi ro về chiếm dụng vốn của các Chủ đầu tư chưa sắp xếp được vốn cho các dự án hoặc thanh toán chậm. Để giảm thiểu các rủi ro này, công ty thường xuyên đưa ra các kế hoạch làm việc với đối tác, thảo luận các biện pháp đảm bảo tiến độ dự án để tránh việc thanh toán còn tồn đọng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Năm 2016 là năm đánh dấu cột mốc quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao. Trong bối cảnh tình hình kinh tế chung vẫn còn khó khăn với nhiều biến động về cơ chế chính sách có ảnh hưởng lớn đến công tác đầu tư phát triển trong đó có phát triển năng lượng là lĩnh vực kinh doanh chính của TV2. Bên cạnh đó với yêu cầu về môi trường ngày càng cao nên các dự án điện than đang bị xã hội phản đối cũng đã có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tìm kiếm việc làm mới cũng như triển khai các dự án nhiệt điện là lĩnh vực TV2 có thể mạnh hiện nay. Việc Chính phủ ngừng đầu tư các dự án Điện Hạt nhân gây ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất của Công ty nhất là công tác khảo sát.

Trong điều kiện khó khăn đó, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo và cùng với Ban Điều hành Công ty bám sát nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Điều hành, sự phấn đấu nỗ lực và sự đoàn kết, quyết tâm, với tinh thần làm việc chủ động, sáng tạo của tập thể người lao động Công ty, cộng với sự giúp đỡ, quan tâm, hỗ trợ tạo điều kiện của các Bộ, Ngành chức năng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Đồng thời có sự phối hợp, giúp đỡ của các chủ đầu tư nên các sản phẩm của Công ty đã chiếm ưu thế về thương hiệu và chất lượng, được các Chủ đầu tư trong và ngoài EVN tin tưởng giao thực hiện, đặc biệt là các chủ đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án điện tại Việt Nam.

Với lợi thế có khối lượng công việc của các hợp đồng đã ký từ nhiều năm trước, tập thể cán bộ và người lao động của TV2 đã chủ động sáng tạo và nỗ lực quyết tâm hoàn thành kế hoạch được giao tạo đà tăng trưởng ổn định cho Công ty.

Hoạt động SXKD năm 2016 của Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã giao cho, cụ thể các chỉ tiêu như sau:

- Tổng tổng doanh thu thực hiện năm 2016 đạt 1.646,578 tỷ đồng đạt 162% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 125 tỷ đồng, đạt 166% so với kế hoạch;
- Mức chi trả cổ tức năm 2016 là 25%.

Ngoài ra, các chỉ tiêu tài chính: lợi nhuận, cổ tức, thu nhập của người lao động đều hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao thực hiện.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

✚ Giới thiệu Ban Quản trị

Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ II (2012-2017)



Ông: Nguyễn Chơn Hùng

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - ĐH Griggs (Hoa Kỳ)

Quá trình công tác:

Từ 01/01/1996 đến 01/01/2004: Kỹ sư thiết kế - Phòng thiết kế Nhiệt điện - TV2;

Từ 01/01/2004-31/5/2006: Tổ trưởng tổ cơ nhiệt - TV2;

Từ 01/6/2006-01/01/2007: Phó Trưởng phòng Thiết kế Nhiệt điện - TV2;

Từ 16/11/2007 đến 30/4/2010: Phó Trưởng Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện kiêm Trưởng phòng công nghệ - TV2;

Từ 01/05/2010 đến 01/6/2014: Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện - TV2;

Từ 01/01/2012 - 10/10/2013: Phó Tổng Giám đốc TV2;

Từ 11/10/2013 - 17/4/2015: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc TV2;

Từ 17/4/2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - TV2.



Ông: Trần Quang Lâm

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị thủy năng

Quá trình công tác:

Từ 01/12/1986 đến 31/8/1994: Kỹ sư - Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo - TV2;

Từ 01/9/1994 đến 28/02/1997: Phó Trưởng phòng - Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo - TV2;

Từ 01/3/1997 đến 31/12/2009: Trưởng phòng - Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo - TV2;

Từ 16/11/2007 đến 30/09/2014: Giám đốc Trung tâm - Ban Giám đốc Trung tâm - Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo - TV2.

Từ 01/01/2012 đến tháng 4/2016: Phó Tổng Giám đốc - TV2.

Từ tháng 4/2016 đến nay: TV HĐQT kiêm Phó TGD TV2



Ông: Võ Quang Lâm

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Điện Cao áp

Quá trình công tác:

Từ 10/1991 đến 11/1999: Nghiên cứu sinh Trường ĐH TH Tây Séc, Plzen, CH Séc.

Từ 1/2000 đến 12/2002: Cộng tác viên, Viện Kỹ thuật Vô tuyến và Điện tử, Viện Hàn lâm KH CH Séc.

Từ 6/2003 đến 2/2005: CV Ban KHCNMT&VT, Tổng Công ty Điện lực VN.

Từ 8/2005 đến 2/2006: Phó Trưởng ban QLDA Viễn thông điện lực, Công ty Thông tin viễn thông điện lực.

Từ 2/2006 đến 9/2008: Trưởng ban QLDA VTĐL, Công ty Thông tin VL ĐL

Từ 10/2008 đến 9/2011: Phó Giám đốc Cty TT VT ĐL.

Từ 10/2011 đến 7/2012: Giám đốc Công ty TT VT ĐL

Từ 1/8/2012 đến 30/11/2013: Trưởng ban Quan hệ cộng đồng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)

Từ 1/12/2013 đến 30/4/2016: Chánh Văn phòng EVN.

Từ 1/5/2016 đến nay: Trưởng ban Quản lý Đấu thầu, Tập đoàn ĐL VN.

Từ tháng 4/2016 đến nay: TV HĐQT TV2.

Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ II (2012-2017) tiếp theo



Ông: Nguyễn Trọng Nam

**Thành viên HĐQT kiêm
Phó TGD**

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ tháng 01/6/1990 đến 28/2/1998: Kỹ sư Phòng đường dây – TV2;

Từ 01/03/1998 đến 31/08/2000: Phó Trưởng phòng Thiết kế Đường dây – TV2;

Từ 01/9/2000 đến 30/11/2008: Trưởng phòng TK Đường dây – TV2;

Từ 01/12/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – TV2;

Từ 26/4/2012 đến nay: Thành viên HĐQT – TV2;

Từ 01/11/2012 đến 31/12/2013: Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện – TV2;

Từ 01/01/2014 đến 30/9/2014: Giám đốc Trung tâm Lưới điện – TV2.



Ông: Trương Khắc Len

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1952

**Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
trắc địa**

Quá trình công tác:

Từ tháng 01/8/1975 đến 01/9/1981: Kỹ sư Công ty Khảo sát Địa chất Sông Đà – Hòa Bình;

Từ 01/10/1981 đến 28/02/1983: Kỹ sư, đội trưởng Địa hình Xí nghiệp Khảo sát công trình II Thủ Đức, TP. HCM;

Từ tháng 3/1983 đến 8/1984 Phó phòng kế hoạch – kỹ thuật XN khảo sát công trình 2 – Tp.HCM;

Từ tháng 9/1984 đến 6/1985 Học quản lý kinh tế tại Leningrad – Liên Xô cũ;

Từ 01/7/1985 đến 01/6/1987: Phó phòng Địa chất – địa hình – TV2;

Từ 01/7/1987 đến 01/5/1994: Phó đoàn KSTHM – TV2;

Từ tháng 01/6/1994 đến 01/10/2007: Phó Giám đốc – TV2;

Từ tháng 01/11/2007 đến 01/05/2009: Giám đốc – TV2;

Từ tháng 15/5/2009 đến 01/7/2012: Chủ tịch HĐQT – TV2;

Từ 11/10/2013: Thành viên HĐQT – TV2.

Ban kiểm soát: Nhiệm kỳ II (2012-2017)



Bà: Nguyễn Thị Thu Hiền

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản trị TCKT, Thạc sỹ

Quá trình công tác:

Từ năm 2004 đến 2007 Kế toán Công ty Cổ phần Quang Tiến – TP Hà Nội;

Từ 2007 đến tháng 5/2008 Kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Thông tin Tín Hiệu – TPHCM;

Từ tháng 5/2008 đến tháng 5/2010 Kế toán phòng đường dây - TV2;

Từ tháng 5/2010 đến nay Kế toán phòng Trung tâm Tư vấn Lưới Điện - TV2;

Từ năm 2012 Thành viên Ban kiểm soát - TV2.



Bà: Trần Thị Hòa

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 2/1978 đến 2/1997 Cán bộ tín dụng, Phó phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thuận Hải (Bình Thuận);

Từ 3/1997 đến 6/2000 Trưởng Quỹ tiết kiệm Sở giao dịch II Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam;

Từ 7/2000 đến 11/2007 Giám đốc phòng giao dịch 2 – Sở giao dịch II - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam;

Từ năm 2012 Thành viên Ban kiểm soát - TV2.



Ông: Võ Duy Bách

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1987

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ năm 2015 đến nay: công tác tại Tập đoàn điện lực Việt Nam;

Từ tháng 4/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - TV2

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc của Công ty

Ông: Nguyễn Chơn Hùng: Tổng giám đốc

(Lý lịch xem ở phần giới thiệu Ban Quản trị Công ty)

Ông Trần Quang Lâm: Phó Tổng Giám đốc

(Lý lịch xem ở phần giới thiệu Ban Quản trị Công ty)

Ông: Nguyễn Trọng Nam: Phó Tổng giám đốc

(Lý lịch xem ở phần giới thiệu Ban Quản trị Công ty)



Ông: Nguyễn Hải Phú
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Nhiệt

Quá trình công tác:

Từ tháng 08/1997 đến tháng 4/1999: Kỹ sư Đội thi công số 1, Công ty Seareefico;

Từ tháng 6/1999 đến tháng 10/2007: Kỹ sư phòng Thiết kế Nhiệt điện thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;

Từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2009: Phó Trưởng phòng Công nghệ - Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – TV2;

Từ tháng 5/2009 đến tháng 09/2010: Trưởng phòng Công nghệ Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – TV2;

Từ tháng 10/2010 đến tháng 9/2014: Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – TV2;

Từ tháng 10/2010 đến nay: Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – TV2;

Từ 23/12/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – TV2.

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán kiểm toán; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Từ tháng 08/1997 - 12/1998: Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán TV2;

Từ tháng 01/1998 - 08/2003: Chuyên viên phụ trách Kế toán Phòng Thiết kế Đường Dây TV2

Từ tháng 09/2003 - 07/2004: Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán TV2

Từ tháng 08/2004 - 03/2008: Kế toán trưởng – Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát tổng hợp Miền Nam TV2;

Từ tháng 04/2008 - 08/2009: Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán TV2;

Từ tháng 09/2009 – tháng 12/2016: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán TV2

Từ tháng 12/2016 đến nay: Kế toán trưởng



Bà: Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng

✚ Những thay đổi trong Ban Điều hành Công ty

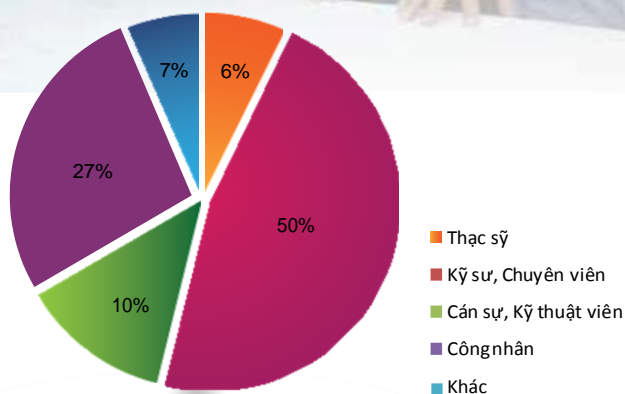
Trong năm 2016, Công ty có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị do đã bầu bổ sung:

S T T	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu năm giữ cá nhân	Tỷ lệ%	Ghi chú
1	Trần Quang Lâm	TV HĐQT kiêm Phó TGD	3.600	0,07	Bầu bổ sung HĐQT từ 6/9/2016
2	Nguyễn Hải Phú	Phó TGD	3.400	0.07	Từ ngày 23/12/2016
3	Bùi Thị Ngọc Lý	KTT	750		Từ ngày 23/12/2016



NHÂN LỰC

Với quan niệm nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của Công ty, chất lượng con người quyết định chất lượng công việc và dịch vụ, TV2 luôn coi nhiệm vụ đào tạo và đầu tư vào nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách phát triển. Không những trân trọng và tạo điều kiện phát huy cao nhất những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp của cán bộ lâu năm, Công ty còn đánh giá cao năng lực của lực lượng cán bộ kỹ thuật trẻ, xem đó là sức sống mạnh mẽ của Công ty hiện tại và trong tương lai. Cùng với việc nâng cao chất lượng tuyển dụng, đội ngũ người lao động của Công ty thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ dưới nhiều hình thức khác nhau: đào tạo qua thực tế công việc, qua các hội thảo, hội nghị tổng kết trao đổi kinh nghiệm, qua các dự án, các khóa đào tạo trong và ngoài nước và qua các chương trình hợp tác giữa TV2 và các tổ chức tư vấn quốc tế. Chính sách nâng cao năng lực tư vấn được Công ty soạn thảo và áp dụng tạo cho người lao động nhiều cơ hội thăng tiến. Chế độ đãi ngộ của Công ty được dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của từng người. Nhờ đó, Công ty đã tạo được ưu thế trong việc thu hút nguồn “chất xám”, đào tạo phát triển cũng như sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP TV2

Thông qua “Tài liệu văn hóa” và “Quy tắc Ứng xử & Tác phong làm việc TV2”, Công ty quy định và cam kết thực hiện các hành vi ứng xử và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của mọi thành viên TV2 trong nội bộ, và đối với khách hàng, đối tác, cộng đồng và xã hội.



➤ Chính sách đối với người lao động

Ngay sau khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế của công ty cổ phần, TV2 đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng riêng của Công ty nhằm tuyển dụng và giữ được cán bộ có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tay nghề cao và đam mê công việc phù hợp với yêu cầu công việc, đảm bảo đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng (năng lực, kỹ năng...) để cùng Công ty nâng cao năng lực tư vấn và thi công các công trình điện đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn cũng như kinh nghiệm.

Đối với đào tạo, ngoài việc tổ chức đào tạo tại chỗ, vừa làm vừa học qua thực tế công việc, TV2 còn tạo mọi điều kiện thuận lợi, cần thiết để người lao động được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn,...nhằm không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ... năng lực cạnh tranh, thực hiện tốt chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng của Công ty.

Với quan niệm nguồn lực con người là tài sản quý giá nhất của Công ty, chất lượng con người quyết định chất lượng công việc và dịch vụ, Công ty luôn coi nhiệm vụ đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách phát triển. Cùng với việc nâng cao chất lượng tuyển dụng, đội ngũ người lao động của Công ty thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ dưới nhiều hình thức khác nhau: đào tạo qua thực tế công việc, qua các hội thảo tổng kết trao đổi kinh nghiệm, qua các dự án, các khóa đào tạo trong và ngoài nước và qua các chương trình hợp tác giữa PECC2 và các tổ chức tư vấn quốc tế. Chính sách nâng cao năng lực tư vấn được Công ty soạn thảo và áp dụng tạo cho người lao động nhiều cơ hội thăng tiến. Chế độ đãi ngộ của Công ty được dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của từng người. Nhờ đó, Công ty đã tạo được ưu thế trong việc thu hút nguồn “chất xám”, đào tạo phát triển cũng như sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

➤ Công tác đào tạo

Căn cứ chiến lược phát triển của Công ty và kết quả phân tích nhu cầu đào tạo của Công ty để xây dựng kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho những năm tiếp theo nhằm giải quyết sự thiếu hụt về mặt năng lực cho các vị trí và nâng cao năng suất của Người lao động trong toàn Công ty;

Lập và thực hiện ngân sách đào tạo hằng năm căn cứ theo kế hoạch đào tạo nhằm đảm bảo việc sử dụng ngân sách có hiệu quả; Triển khai thực hiện, giám sát việc thực hiện, đề xuất hoặc tham gia xét xét các chương trình đào tạo theo kế

hoạch hoặc đột xuất cho phù hợp với quy định; Phát triển, cải tiến và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các chương trình đào tạo bao gồm các chương trình đào tạo trọng điểm, các hình thức đào tạo khác nhau và phù hợp với từng đối tượng cụ thể trong từng giai đoạn cụ thể;

Phối hợp với các đơn vị xây dựng, đánh giá và quản lý khung năng lực cho các vị trí chủ chốt trong toàn công ty; Thiết kế, tổ chức và thực hiện chương trình đào tạo cho Người lao động mới hằng năm hoặc đột xuất; Theo dõi, giám sát và phối hợp thực hiện các chương trình đào tạo tại chỗ trong công việc của Người lao động; Tạo và quản lý các tài liệu đào tạo, hỗ trợ đào tạo gồm tài liệu bằng bản cứng hoặc tài liệu bằng file mềm;

Tạo và quản lý danh mục các nhà cung cấp dịch vụ đào tạo bao gồm các Trường, Trung tâm, Viện, các giảng viên...đào tạo; Tổ chức, thực hiện đánh giá các chương trình đào tạo nội bộ, phối hợp với lãnh đạo các Đơn vị để tạo ra công cụ và thực hiện việc đánh giá sau đào tạo đối với các chương trình đào tạo nội bộ, bên ngoài; Quản lý, cập nhật các hồ sơ đào tạo, chứng chỉ đào tạo;

Báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu định kỳ hoặc đột xuất; Phối hợp, xây dựng, cập nhật các thông tin đào tạo lên phần mềm quản lý Nhân sự cho phù hợp; Nghiên cứu và áp dụng các quy định của Nhà nước, Tập đoàn, quy chế quản lý nội bộ vào công tác đào tạo nhằm giảm thiểu các rủi ro về mặt pháp luật;

Tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phổ biến kinh nghiệm trong công tác đào tạo hoặc biên tập các tài liệu bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực đào tạo; Thực hiện công tác phối hợp, hỗ trợ thực hiện các chương trình đào tạo khác khi được yêu cầu.

➤ **Chính sách tiền lương**

Nhằm khuyến khích nâng cao hiệu quả lao động, hiệu suất công tác của từng người lao động, từng đơn vị trong Công ty, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện của các dự án, TV2 đã ban hành Quy chế phân phối tiền lương áp dụng cho các đơn vị trong Công ty. Căn cứ quy định chung của Quy chế này, mỗi khối, mỗi đơn vị đã xây dựng quy chế trả lương riêng cho phù hợp với đặc thù công việc tư vấn và công tác sản xuất kinh doanh của mỗi đơn vị nhằm động viên khuyến khích người lao động làm việc với năng suất, chất lượng và đạt hiệu quả cao.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2016, hoạt động đầu tư của Công ty đạt được những kết quả như sau:

- Về mua trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm: UBND TP. Hồ Chí Minh đã phê duyệt giá bán và chuyển nhượng QSDĐ cho TV2. Công ty hoàn tất nghĩa vụ nộp thuế và nhận giấy CNQSD đất và nhà trong quý I/2017 và tiếp tục triển khai phương án đầu tư tòa nhà trình HĐQT phê duyệt.
- Dự án Thủy điện Thác Bà 2: Công ty đã hoàn chỉnh báo cáo BSQH khi có hồ bậc dưới trình UBND tỉnh Yên Bái và đã được UBND tỉnh Yên Bái trình lên Bộ Công Thương xem xét phê duyệt. Hiện nay, Công ty đang hoàn tất thủ tục xin phê duyệt bổ sung quy hoạch. Trong năm 2017 sẽ tiến hành việc chuyển giao dự án cho TV2 lập, phê duyệt FS và các công tác chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án.
- Dự án điện gió Tân Thuận: dự án đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt chủ trương giao TV2 để khảo sát, nghiên cứu, lập thủ tục đầu tư dự án điện gió. Công ty đang triển khai xây dựng cột đo gió, thực hiện đo gió và lập FS của dự án theo luật định. Công ty cũng đã ký Biên bản thỏa thuận hợp tác với UBND tỉnh Cà Mau về đầu tư dự án.
- Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân – Giai đoạn 1: Công ty đã ký MOU với EVNGENCO3, trong đó Công ty chủ trì dự án. Hiện nay, Công ty đã lựa chọn xong vị trí địa điểm dự án và đang triển khai các bước tiếp theo đầu tư dự án theo luật định.
- Dự án cụm thủy điện Hà Lâm – Madagui – Phước Lộc: UBND tỉnh Lâm Đồng đã chấp thuận cho phép nghiên cứu lập hồ sơ bổ sung Quy hoạch cụm dự án này. Công ty đã ký thỏa thuận hợp tác cùng phát triển và đầu tư dự án với Công ty cổ phần Thủy điện Đakr’Tih. Hiện nay Công ty đang triển khai lập Báo cáo bổ sung quy hoạch.
- Ngoài ra, thông qua việc lập quy hoạch điện gió và điện mặt trời trên địa bàn các tỉnh, Công ty cũng đang tích cực tìm kiếm các dự án tiềm năng để xin chủ trương đầu tư.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	662,087	1,460,442	221%
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	708,402	1,646,578	232%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	119,036	124,230	104%
Lợi nhuận khác	4,154	1,179	28%
Lợi nhuận trước thuế	123,190	125,409	102%
Lợi nhuận sau thuế	95,922	99,435	104%
Tỷ lệ trả cổ tức	25%	25%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu chính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,44	1,31	-9,03%
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,33	0,8	-39,85%
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,79	14,49%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,18	3,82	75,23%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	12,17	4,75	-60,97%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,07	1,13	5,61%
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,54%	6,04%	-55,40%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	46,02%	32,85%	-28,61%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	14,49%	6,81%	-53,01%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	16,80%	7,54%	-55,10%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

✚ Cổ phần

Tổng số cổ phần : 5.098.764 cổ phần
Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không
Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.098.764 cổ phần

✚ Cơ cấu cổ đông

Tổng số cổ phần đang lưu hành là 5.098.764 cổ phần được nắm giữ bởi các thành phần cổ đông như bảng sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.616.813	51,32
Các cổ đông thể nhân khác	2.481.951	48,68
Tổng cộng	5.098.764	100

✚ Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	381.120	7,47
America LLC	674.475	13,23
Tổng cộng	1.055.595	20,70

✚ Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài

Chỉ tiêu	Trong nước (Cổ phần)	Nước ngoài (Cổ phần)	Tổng số (Cổ phần)
Tổ chức	3.429.674	711.015	4.140.689
Cá nhân	934.315	23.760	958.075

✚ Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2016, Công ty đã đăng ký bán cổ phiếu quỹ và thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến thủ tục bán cổ phiếu quỹ

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Việc cải thiện điều kiện môi trường làm việc luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm sâu sát. Bằng các hành động cụ thể, TV2 đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ như cải tạo cảnh quan sân, công, cải tạo hội trường và các phòng họp theo kiến trúc mới tạo không gian thoáng đãng, thân thiện; tăng cường công tác vệ sinh để giữ gìn sạch sẽ các hành lang, lối đi, sảnh chờ, phòng họp và phòng làm việc, quy định hạn chế khu vực hút thuốc trong các tòa nhà; thường xuyên kiểm tra thiết bị vệ sinh, thay thế kịp thời các thiết bị mới có công nghệ cải tiến khi thiết bị cũ hư hỏng, hoen ố, từng bước cải thiện quy cách vệ sinh công sở cũng như dán nhãn nhận biết thiết bị, lắp đặt biển báo, biển hướng dẫn sử dụng nước, nguồn nước, điện, nguồn điện để tiết kiệm năng lượng; trang bị thùng rác có dán nhãn phân loại rác thải sinh hoạt, rác tái chế và rác không tái chế, trang bị tủ riêng chuyên chứa các loại rác thải nguy hại môi trường, tuân thủ Hệ thống Quản lý Chất lượng Môi trường ISO 14001:2004. Điều kiện vệ sinh môi trường lao động hàng năm được kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời. Những mảng cây xanh nhỏ được các đơn vị cố gắng bố trí xen kẽ trong những không gian làm việc, dọc các lối đi, ...

Công ty cũng đã ban hành “Quy định vệ sinh môi trường lao động” theo quyết định số 416/QĐ-TV2 ngày 10/5/2016, nhấn mạnh đến việc bảo vệ, giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp, văn minh, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường và nâng cao hình ảnh thương hiệu thân thiện với môi trường.

✚ Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động chính của TV2 tư vấn thiết kế các công trình điện nên các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ nên không có nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính.

✚ Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác văn phòng chiếu sáng, các thiết bị văn phòng và điều hòa không khí ...

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sản phẩm này: không có

Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước hiện nay của TV2 là do Công ty Cấp nước TPHCM
- Lượng nước cung cấp trung bình tiêu thụ hằng năm là khoảng 1.500m² (Lượng nước sử dụng cho mục đích nhu cầu sinh hoạt cho văn phòng hoạt động do đó không có tổng lượng nước tái chế sử dụng)

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chấp hành, thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan, Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm, không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường xung quanh khu vực làm việc cũng như các dự án đang thực hiện. Trong quá trình hoạt động Công ty chưa từng bị phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường xung quanh khu vực làm việc cũng như các dự án đang thực hiện.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lao động đến ngày 31/12/2016 của Công ty là: 783 người

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ cho NLD theo đúng quy định của pháp luật, Thỏa ước lao động tập thể và quy định của pháp luật. Tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho 100% NLD.

Hằng năm, Công ty đã tiến hành việc khám sức khỏe định kỳ cho NLD nhằm phân loại sức khỏe, phát hiện và chữa bệnh nghề nghiệp cho NLD và trang bị bảo hộ lao động cho NLD công tác tại công trường đảm bảo điều kiện làm việc an toàn cho NLD.

Công ty luôn quan tâm, chú trọng và coi việc tổ chức Hội nghị người lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng của doanh nghiệp. TV2 đã xây dựng Quy định về tổ chức Hội nghị Người lao động nhằm đảm bảo công tác tổ chức Hội nghị Người lao động tại đơn vị được thực hiện đúng theo quy định

pháp luật nhằm đảm bảo phát huy quyền dân chủ trực tiếp của NLD, tạo điều kiện cho NLD được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời giúp NLD biết và thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Công ty, góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

Hằng năm, Công ty phối hợp với Công đoàn để tổ chức những kỳ nghỉ mát, du lịch cho NLD TV2 nhằm tăng cường sự đoàn kết, cơ hội nghỉ ngơi sau những ngày làm việc.

Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc, an toàn và hiệu quả ở tất cả công trình mà Công ty thực hiện.

Công ty không ngừng nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần để tạo động lực và mục tiêu phấn đấu xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2016 TV2 đã thực hiện được 65 chương trình với 1.029 lượt NLD tham gia đào tạo cụ thể như sau:

- Các chương trình đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ: gồm 59 chương trình.
- Các chương trình đào tạo kỹ năng: 6 Chương trình đào tạo về kỹ năng như: 5S hiệu quả tức thì, Văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng quản lý thời gian, Kỹ năng viết tin bài.
- Chương trình đào tạo trên Đại học : 1 Tiến sỹ ở nước ngoài, 5 người tham gia Chương trình đào tạo thạc sỹ (01 người đào tạo tại nước ngoài).

Stt	Loại hình đào tạo	Thực hiện năm 2016 (Người)
I	Dài hạn	6
1.1	Tiến sỹ	1
1.2	Thạc sỹ	5
II	Ngắn hạn	1023
2.1	Đào tạo cán bộ quản lý	7
2.2	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	644
2.4	Đào tạo thường xuyên	333
2.5	Đào tạo chuẩn bị sản xuất	32
2.7	Tập huấn	7

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội trong công tác tư vấn cũng như hoạt động xã hội. Hoạt động tư vấn không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, mang lại lợi ích cho Chủ đầu tư mà còn đem lại lợi ích bền vững cho cộng đồng TV2 tích cực tham gia các hoạt động tài trợ nhân đạo thiết thực với phương châm “Chung tay vì sự phát triển cộng đồng”, cụ thể như sau:

- Tham gia đóng góp tài trợ Chương trình tặng báo Xuân Nhân Dân Tết Bính Thân 2016 cho các cán bộ, chiến sĩ biên giới và hải đảo;
- Tham gia chăm lo tết cho các gia đình chính sách ;
- Hỗ trợ hộ nghèo 3 huyện nghèo tỉnh Lai Châu;
- Hỗ trợ bệnh nhân bị ung bướu;
- Ủng hộ người mù TP. HCM;
- Tặng 5 căn nhà tình nghĩa (đối tượng là gia đình TB - LS, gia đình có công với cách mạng, gia đình nghèo khó khăn về nhà ở);
- Tham gia ủng hộ xây tặng nhà văn hóa đa năng tại huyện đảo Trường Sa;
- Ủng hộ vì Miền Trung ruột thịt (vùng lũ lụt).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

📌 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2016, nền kinh tế trong nước mặc dù đã có tín hiệu phục hồi tốt, nhưng việc thu xếp đủ vốn cho các dự án đầu tư ngành điện vẫn là bài toán khó khăn. Các chủ đầu tư, do khó khăn về vốn, nên việc thanh toán các khối lượng khảo sát thiết kế hoàn thành chậm, dẫn đến những khó khăn trong việc cân đối tài chính và triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, được sự chỉ đạo và định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, cán bộ công nhân viên có tinh thần làm việc chủ động, sáng tạo, nỗ lực phát huy khả năng để khắc phục khó khăn, biến khó khăn thành ưu thế chủ quan của Công ty trong sản xuất kinh doanh. Tính đến 31/12/2016, Công ty đã đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

A. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Chỉ tiêu chính	Kế hoạch	Đơn vị tính: Tỷ đồng	
		Năm 2016	% tăng giảm
Tổng doanh thu	1.011,813	1.672,683	165
Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính	1.010,813	1.646,578	163
Doanh thu hoạt động tài chính	1,000	24,428	2443
Thu nhập khác		1,677	
Các chỉ tiêu tài chính			
Lợi nhuận trước thuế	75,000	125,409	167
Lợi nhuận sau thuế	60,000	99,435	166
Cổ tức (%)	22%	25%	

- Chỉ tiêu tổng doanh thu thực hiện năm 2016 đạt 1.672,683 tỷ đồng, đạt 165% so với kế hoạch.
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 125,409 tỷ đồng, đạt 167% so với kế hoạch.
- Mức chi trả cổ tức năm 2015 là 25% (theo mệnh giá).

B. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2016

1. Công tác khảo sát thiết kế

1.1 Lĩnh vực tư vấn nhiệt điện

Mặc dù cùng một lúc triển khai thực hiện nhiều dự án trọng điểm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam như Vĩnh Tân 4, Vĩnh Tân 4MR, Duyên Hải 1 và Duyên Hải 3MR, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện đã chủ động lập các kế hoạch nhân sự, kế hoạch công việc phù hợp cho từng dự án cụ thể, triển khai ứng dụng Chương trình quản lý dự án trong tổ chức quản lý và triển khai các dự án, hoàn thành xuất sắc kế hoạch được Công ty giao, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng của các chủ đầu tư.

Một số dự án chính Trung tâm đã và đang thực hiện là:

- NMD Vĩnh Tân 2: Xử lý các vấn đề tồn tại của tổ máy 1&2 và hệ thống dùng chung; Rà soát các hệ thống bảo vệ môi trường VT2 giữa thực tế vận hành và thiết kế, ĐTM.
- Cải tạo ESP NMD Vĩnh Tân 2: đã hoàn thành lắp đặt và commissioning 2 tổ máy.
- NMD Vĩnh Tân 1: Đang thực hiện công tác phê duyệt thiết kế; Giám sát thi công, lắp dựng, gia công trên toàn bộ công trường bao gồm công việc chính, khu QLVH; Tiếp tục thi công các hạng mục BOP (hệ thống thoát nước mưa, cống hợp thải nước làm mát, khu xử lý nước thải, móng các loại bồn bể...).
- NMD Vĩnh Tân 4 & các hạng mục dùng chung: Đang đẩy nhanh thi công nạo vét hạng mục Jetty; thi công kênh nước, công tác đổ bê tông đã hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ thi công đoạn cửa lấy nước và sân trạm 500kV (giai đoạn 2). Đã đóng điện ngày 25/12/2016; Hoàn thành commissioning hệ thống không khí nén.
- NMD Vĩnh Tân 4 mở rộng: Khởi công dự án ngày 23/4/2016. Đang triển khai công tác khảo sát phần trên bờ; thiết kế cho ESP, Chimney và triển khai thiết kế cho hệ thống FGD.
- NMD Duyên Hải 1: Hoàn thành công tác phê duyệt thiết kế, công tác giám sát thi công, hoàn thành cấp PAC cho 2 Tổ máy.
- NMD Duyên Hải 3 mở rộng: Đang triển khai phê duyệt thiết kế và giám sát tại công trường.
- Hiệu chỉnh QH TTĐL Ô Môn: Đã hoàn thiện báo cáo quy hoạch hiệu chỉnh TTĐL Ô Môn và được Bộ Công Thương phê duyệt tại quyết định số 4335/QĐ-BCT ngày 31/10/2016.
- Hiệu chỉnh FS NMD Ô Môn III: Đã hoàn thành báo cáo bổ sung FS hiệu chỉnh dự án NMD Ô Môn III (lần 2) và trình cho EVN và GENCO2 xem xét.
- QH TTĐL Long An: đã hoàn thành và trình BCT báo cáo quy hoạch địa điểm.
- Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy Nhiệt điện BOT Quảng Trị đã được phê duyệt theo quyết định số 4793/QĐ-BCT.

– Về công tác nghiên cứu khoa học: Năm 2016, TND tiếp tục triển khai tổ chức hội thảo, trình bày đề đưa vào áp dụng các cầm nang thiết kế và sổ tay giám sát. Hoàn thành việc ban hành bộ tài liệu cầm nang thiết kế và giám sát thi công dự án.

Với các kết quả đã đạt được và được ghi nhận từ phía khách hàng, TV2 tiếp tục khẳng định uy tín là một trong những Tư vấn hàng đầu trong các công trình nhiệt điện. các Nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước tiếp tục tìm đến TV2 để hợp tác, tham gia thực hiện dự án từ giai đoạn thực hiện đầu tư đến giám sát thi công trình, Tư vấn Quản lý Dự án.

1.2 Lĩnh vực tư vấn thủy điện và Năng lượng tái tạo

Năm 2016 tiếp tục là một năm khó khăn cho Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo (TTĐ), mặc dù đã được công ty hỗ trợ tạo điều kiện phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo tuy nhiên thị trường mới chỉ dừng ở mức lập quy hoạch tìm kiếm dự án nên nguồn công việc và khối lượng công việc cũng rất hạn chế. Vượt qua các khó khăn đó, TTĐ vẫn đảm bảo hoạt động ổn định, duy trì việc làm cho người lao động, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Công ty giao. Điểm sáng của TTĐ là chất lượng các dự án.

Một số dự án TTĐ đã thực hiện trong năm 2016:

- Thực hiện công tác tư vấn giám sát và giám sát tác giả các dự án thủy điện Thác Mơ mở rộng và Đa Nhim mở rộng;
- Hoàn thành TKKT dự án Đam Bri 1 và bắt đầu triển khai TKKT dự án Năm Mô 1.
- Hoàn thành lập Báo cáo NCKT dự án thủy điện Cam Ly.
- Hoàn thành và được phê duyệt hồ sơ quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Cà Mau.
- Hoàn thành hồ sơ quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Bình Thuận, đang thực hiện các thủ tục trình duyệt. Đang thực hiện lập hồ sơ Quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Bình Phước.
- Hoàn thành thiết kế cột đo gió, đang lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình dự án nhà máy điện gió Tân Thuận – Giai đoạn 1.

Trong năm 2016, các hồ sơ thiết kế các dự án lĩnh vực thủy điện và năng lượng tái tạo đã đáp ứng được các yêu cầu về tiến độ, chất lượng và tạo được uy tín cao đối với các Chủ đầu tư.

1.3 Lĩnh vực tư vấn lưới điện

Năm 2016, Trung tâm Tư vấn Lưới điện (TLĐ) đã hoàn thành nhiệm vụ được công ty giao trong đó nổi bật là triển khai ứng dụng thiết kế 3D cho các dự án

đường dây để giảm sai sót trong công tác thiết kế cũng như tăng tính đáp ứng khi có thay đổi phương án tuyến. Bên cạnh đó TLĐ xung đang triển khai đào tạo áp dụng chương trình thiết kế 3D cho các dự án lưới điện.

Các dự án lưới điện trọng điểm đã được nghiệm thu đóng điện trong năm 2016 như sau:

- ĐD 500kV Duyên Hải-Mỹ Tho;
- TBA 500kV Mỹ Tho và ĐD đấu nối;
- ĐD 220kV Cầu Bông-Hóc Môn-rẽ Bình Tân.
- Đấu nối NMĐ Vĩnh Tân 4 vào HTĐ Quốc gia;
- Giai đoạn 1 và 2 Trạm cắt 500kV AIS Vĩnh Tân.

Trong đó dự án Trạm cắt AIS Vĩnh Tân là dự án đầu tiên TLĐ tham gia với vai trò giám sát của tổng thầu EPC đây là cơ hội cũng là thách thức để các kỹ sư TLĐ trưởng thành hơn trong công tác giám sát, điều phối công việc với các nhà thầu phụ để đảm bảo về kỹ thuật, tiến độ cam kết trong Hợp đồng EPC.

1.4 Lĩnh vực khảo sát

Bước vào năm kế hoạch 2016, hoạt động sản xuất tiếp tục gặp không ít khó khăn, tuy nhiên, bằng sự nỗ lực và quyết tâm cao của Ban Lãnh đạo Xí nghiệp cùng tập thể NLĐ, các công trình do Xí nghiệp tham gia khảo sát đều hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng theo hợp đồng mà Công ty đã ký với Chủ đầu tư. Đồng thời với chỉ đạo công tác khảo sát hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng, Xí nghiệp cũng chỉ đạo kịp thời các phòng chức năng tích cực nghiệm thu, thanh toán và thu hồi công nợ để đảm bảo doanh thu năm 2016.

Trong năm 2016, Xí nghiệp đã tập trung triển khai và hoàn thành công tác khảo sát tại 19 công trình nguồn điện và trên 40 công trình lưới điện, đặc biệt, Xí nghiệp đã phối hợp với TLĐ để quyết liệt triển khai công tác khảo sát bằng không ảnh cho các dự án: ĐD 500kV Nam Định 1 - Phố Nối, Đường dây 220kV Hòa Bình - Hà Đông; Đường dây 500kV Vũng áng 3 - Quỳnh Lập và Đường dây 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2.

2. Hoạt động kinh doanh

❖ Lĩnh vực kinh doanh EPC

Năm 2016, Ban EPC đã tập trung xử lý các công việc của dự án Vĩnh Tân 4, Vĩnh Tân 4 mở rộng và Cải tiến hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP) Vĩnh Tân 2. Kết quả thực hiện như sau:

- Theo tiến độ của dự án, Ban EPC đã phối hợp cùng các đơn vị đảm bảo các yêu cầu của các bên về tài chính, doanh thu và tiến độ cho dự án; các gói thầu đang triển khai theo tiến độ đề ra.

- Ngoài ra, Ban EPC tiếp tục hỗ trợ Pacific (một trong những thành viên của tổ hợp thầu DMPP) trong công tác đánh giá thầu các gói thầu do Pacific phụ trách và tiếp tục hoàn thành các gói thầu khác theo thỏa thuận giữa Pacific và PECC2.
- Ban EPC đã phối hợp chặt chẽ cùng với các thành viên tổ hợp Nhà thầu DMPP làm việc với Chủ đầu tư, các nhà thầu phụ cho công tác nghiệm thu, thanh toán theo Hợp đồng EPC, hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Ban EPC đã phối hợp với Tổ hợp và Chủ đầu tư hoàn tất công tác thương thảo và ký kết phụ lục hợp đồng cho các hạng mục dùng chung giữa nhà máy điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở rộng.
- Năm 2016, Ban EPC đã tiến hành xây dựng các quy trình liên quan đến công tác chuyên môn như: quy trình thanh toán hợp đồng, quy trình lập HSMT, quy trình mua sắm hàng hóa v.v.. nhằm tăng tính thống nhất và hiệu quả trong công việc.

❖ Lĩnh vực gia công cơ khí/xây lắp

Năm 2016, Xí nghiệp Cơ điện đã nỗ lực tổ chức và quản lý điều độ tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, cải tạo và hoàn thiện mặt bằng nhà xưởng, đáp ứng các yêu cầu về tiến độ và chất lượng hàng hóa giao nhận cho các Khách hàng. Hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu về doanh thu và tài chính. Thu nhập của người lao động đảm bảo ổn định và tăng trưởng khá. Điều kiện làm việc được cải thiện, tinh thần làm việc đồng đội được nâng cao. Vị thế của Xí nghiệp được nâng lên một bước.

Với nhiều nỗ lực để mở rộng sản xuất, đầu tư cải tạo nhà xưởng, năm 2016 Xí nghiệp đã gia công chế tạo được hơn 5000 tấn kết cấu thép đảm bảo kế hoạch được giao.

Kết quả mà Xí nghiệp đạt được trong năm 2016 là cả một sự nỗ lực, cố gắng phấn đấu không ngừng của toàn thể NLD. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2016 tiếp tục cho thấy sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm của tập thể lãnh đạo Xí nghiệp trong việc hoạch định chiến lược và các giải pháp thực hiện phù hợp với đặc thù từng thời kỳ để phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị, là thành quả của sự đoàn kết gắn bó, năng động, sáng tạo của tập thể Xí nghiệp.

Tuân thủ chính sách chất lượng của Công ty, các quy trình, quy phạm trong sản xuất. Bộ phận đảm bảo chất lượng luôn bám sát quá trình sản xuất, kịp thời phát hiện sai sót của quá trình sản xuất.

Thực hiện tốt chế độ báo cáo thống kê theo quy định của nhà nước, của ngành và công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và các khoản trích nộp cho người lao động.

3. Hoạt động đầu tư

Trong năm 2016, Công ty đã và đang thực hiện các dự án như sau:

- Về mua trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm;
- Dự án Thủy điện Thác Bà 2;
- Dự án điện gió Tân Thuận;
- Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân – Giai đoạn 1;
- Dự án cụm thủy điện Hà Lâm – Madagui – Phước Lộc;

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Trong năm 2016, tổng Tài sản và Nguồn vốn của TV2 tăng từ 662,087 tỷ năm 2015 lên 1.460,442 tỷ năm 2016, tăng 120,58%.

Trong đó, Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 94,65% tổng Tài sản, chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn (11,82%) và tiền các khoản tương đương tiền (2,12%).

Tình hình nợ phải trả

Theo cơ cấu Tổng nguồn vốn năm 2016, Nợ phải trả 1.157,759 tỷ đồng chiếm 79,27% Tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn 1.053,917 tỷ đồng (chiếm 72,16%).

Chi tiết Nợ phải trả của TV2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với một số chỉ tiêu chính:

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của TV2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 302.683.896.589 đồng, trong đó một số chỉ tiêu chính như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.987.640.000 đồng
- Vốn khác của chủ sở hữu: 11.783.218.022 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 48.912.523.460 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 186.022.326.460 đồng

So với Vốn chủ sở hữu của TV2 tại ngày 31/12/2015 là 208.450.856.073 đồng, năm 2016 đã tăng 94,233 tỷ đồng so với năm 2015, tương ứng tăng 45,2%.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác quản lý

• Về công tác hành chính

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng công trình xây dựng mở rộng khu nhà làm việc 32 Ngô Thời Nhiệm; Thường xuyên kiểm tra tu bổ, sửa chữa nhỏ, thay mới các thiết bị chuyên dụng trong việc quản trị tòa nhà nhằm chăm sóc, bảo vệ hạ tầng cơ sở.
- Hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành 2 canteen để cung cấp dịch vụ căn tin phục vụ ăn giữa ca cho NLD kịp thời.
- Tiếp tục tổ chức triển khai chấn chỉnh việc quản lý, thực hiện kỷ luật lao động tại các đơn vị, với tinh thần nêu cao ý thức tự giác, trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của trưởng đơn vị trong việc thực hiện các quy định, quy trình, nội quy lao động.
- Phối hợp cùng Công đoàn Công ty tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các đơn vị và người lao động sử dụng tiết kiệm điện.
- Chủ trì và tổ chức thành công sự kiện quan trọng “Lễ khởi công dự án Vĩnh Tân 4 mở rộng”.
- Tổ chức thành công hội thao TV2, chung kết trao giải dịp kỷ niệm thành lập Công ty.

• Về công tác xây dựng cơ bản

- Thực hiện công tác cải tạo, sửa chữa và duy tu chỉnh trang các trụ sở văn phòng và nhà công trường, đảm bảo tốt các điều kiện làm việc cho người lao động và các đơn vị.
- Sắp xếp, di dời, cải tạo, tái bố trí phòng làm việc cho lãnh đạo Công ty và các đơn vị tại trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm và 131 Hòa Hưng. Đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng khu nhà thép tiền chế phía sau trụ sở 32 NTN, kịp thời đảm bảo diện tích phòng làm việc cho các đơn vị, đặc biệt là khu nhà ăn phục vụ ăn ca cho NLD khối cơ quan trụ sở 32 NTN và 131 HH.
- Khu nhà đất tại Duyên Hải: Đã triển khai xây dựng thêm khối nhà để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Thiết kế tổng thể đã phê duyệt trước đây.
- Khu nhà đất tại 50A Dân Chủ, Q.Thủ Đức: Hoàn thiện hồ sơ xin phép xây dựng "Công trình Văn phòng của TV2" và đang triển khai thiết kế bản vẽ thi công công trình.
- Khu nhà đất tại 45 Đường số 2, Q.Thủ Đức: Đã hoàn thành công tác xây dựng lại hàng rào xung quanh, đang triển khai phương án tái bố trí cải tạo nhà xưởng để đảm bảo diện tích sản xuất cho các hệ thống thiết bị mới đầu tư.

– Khu nhà 45 Dân Chủ (trụ sở XNKS): đã triển khai cải tạo, sửa chữa khu vực tầng 4 và 5 của tòa nhà, để chuyển khu nhà văn phòng XNCD, chính thức vận hành từ đầu tháng 02/2017.

• Về công tác tổ chức nhân sự

- Xây dựng Mô hình vận hành dự án trong TV2.
- Xây dựng Hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc bằng phương pháp BSC-KPI năm 2016; Xây dựng Bộ Mô tả Công việc.
- Xây dựng phương án thay đổi Cơ cấu tổ chức Công ty để đáp ứng chiến lược SXKD đến năm 2025.
- Rà soát sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các đơn vị trong Công ty.
- Thực hiện các thủ tục bổ nhiệm lại cán bộ hết thời hạn và đủ điều kiện trong năm 2016.
- Lập Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2017-2020 và 2021-2025.
- Trong năm 2016 toàn Công ty đã tuyển dụng 53 NLD bổ sung cho các đơn vị. Giải quyết cho 54 NLD nghỉ việc.

• Về công tác đào tạo

Năm 2016, Công ty đã tổ chức 65 chương trình với 1.029 Lượt NLD tham gia đào tạo. Trong đó có 11 chương trình đào tạo nội bộ với 238 lượt người tham dự, 54 chương trình đào tạo bên ngoài với 791 lượt người tham dự.

• Thực hiện chế độ chính sách đối với NLD

- Thực hiện việc cập nhật, đối chiếu danh sách và quyết toán kinh phí đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của cơ quan BHXH TP HCM;
- Lập danh sách và mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả NLD, kịp thời làm thủ tục đề nghị Bảo hiểm bồi thường khi xảy ra tai nạn là 12 người;
- Hoàn thành hồ sơ giải quyết chế độ cho: 12 người đủ tuổi nghỉ hưu, 42 NLD thôi việc. Đồng thời giải quyết các chế độ trợ cấp trước khi nghỉ theo quy định của Nhà nước và của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ trợ cấp thôi việc, hướng dẫn trợ cấp thất nghiệp, chốt sổ BHXH cho NLD thôi việc theo quy định.
- Phối hợp với Y tế Công ty lập danh sách mua BHYT cho NLD kịp thời theo quy định; Làm sổ BHXH mới cho 34 NLD mới vào Công ty.
- Hướng dẫn toàn bộ NLD trong Công ty kiểm tra thông tin BHXH trên mạng BHXH TP Hồ Chí Minh; Rà soát và làm thủ tục điều chỉnh thông tin trong sổ BHXH của NLD tại cơ quan BHXH.

• Về công tác tài chính kế toán

- Trong năm 2016, lần đầu tiên công ty đã tiến hành tăng vốn từ 44,390 tỉ lên 50,987 tỉ thông qua hình thức cổ tức bằng cổ phiếu 15% mệnh giá và EVN tiếp tục nâng tỷ lệ nắm cổ phần tại TV2 từ 51,26% lên 51,32%. Hoàn thành công tác bán cổ phiếu quỹ, góp phần gia tăng thặng dư vốn của Công ty.
- Thực hiện giao kế hoạch tài chính cho các chi nhánh, đặc biệt năm 2016, Công ty đã thực hiện giao kế hoạch tài chính đến các trung tâm. Các đơn vị đã cùng phòng TCKT thực hiện giám sát thực hiện kế hoạch tài chính hàng tháng, hàng quý, từ đó báo cáo để có biện pháp xử lý kịp thời.
- Hoàn thành thanh quyết toán đầu tư xây dựng nhà tiền chế 32 Ngô Thời Nhiệm, nhà căn tin tại trụ sở công ty và 131 Hoà Hưng.
- Thực hiện đầu tư TSCĐ vô hình phần mềm 3D phục vụ công tác thiết kế: đường dây, trạm và nhà máy nhiệt điện, nhằm cụ thể hoá yêu cầu nâng cao năng lực tư vấn của Công ty trong môi trường cạnh tranh hiện nay. Thực hiện công tác kê khai và nộp thuế đầy đủ tại Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan như Cục thuế Bình Thuận, Cục thuế Trà Vinh, góp phần đáng kể vào đóng góp ngân sách tại địa phương trên.
- Thực hiện theo dõi số liệu và thực hiện thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền tương ứng doanh thu ghi nhận, đáp ứng nhu cầu chi phí phát sinh thường xuyên cũng như nhu cầu đầu tư, mua sắm của Công ty.
- Triển khai hướng dẫn, rà soát công tác hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong năm tại các phòng ban, các trung tâm và chi nhánh, đảm bảo yêu cầu và tiến độ hạch toán kế toán, đồng thời đáp ứng yêu cầu lập các báo cáo tài chính định kỳ trong năm 2016.
- Cùng Công ty kiểm toán UHY ACA tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính quý 4 năm 2015 và báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016, hoàn thành công tác kiểm toán BCTC quý 4 năm 2016.
- Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin liên quan báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội.

• Về công tác kế hoạch

- Đã tăng cường công tác quản lý, đảm bảo tính pháp lý cho công tác kế hoạch phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý công tác quản lý và cấp phát vật tư, sửa chữa xe máy đúng theo qui định của công ty, không để xảy ra trường hợp thất thoát, lãng phí.
- Đã thương thảo và ký kết các hợp đồng trong danh mục kế hoạch năm cũng như những dự án mới phát sinh. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong công tác lập và trình duyệt các dự toán cũng như việc nghiệm thu thanh toán đối với các Chủ đầu tư, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất.
- HĐQT đã ra Nghị quyết cho phép thành lập VPĐD tại Myanmar.

- **Về công nghệ thông tin**

- Tiếp tục vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống mạng máy tính, email và các chương trình quản lý. Hỗ trợ trong việc trang bị và xử lý các sự cố liên quan đến thiết bị tin học.
- Xử lý các vấn đề liên quan đến bản quyền phần mềm: Kaspersky, AutoDesk, ITCA, Triển khai hệ thống mạng (lan, megawan), camera, VoIP cho: công trường Vĩnh Tân 4, công trường Duyên Hải 3.
- Riêng về hệ thống mạng và thiết bị: tiếp nhận việc chủ trì mua sắm trang thiết bị tin học; Trang bị lại hệ thống wifi tập trung; Join domain cho các máy tính dùng Windows.
- Về phần mềm tự phát triển: vận hành, nâng cấp, sửa chữa các phần mềm hiện có; Triển khai xây dựng công cụ bán hàng tự động; Thiết lập hệ thống Dashboard và các công cụ quản lý Tasks; Triển khai phân hệ công việc hệ thống KPIs; Nâng cấp phân hệ Phê duyệt tài liệu thiết kế; Nâng cấp code framework.

- **Về quản lý chất lượng**

- Tiếp tục thực hiện công tác thẩm tra thiết kế các dự án đúng theo quy định.
- Đã tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm khảo sát – thiết kế lĩnh vực Lưới điện và Nguồn điện.
- Đã ban hành các tài liệu cẩm nang thiết kế, giám sát thi công các dự án nhiệt điện, lưới điện. Thực hiện đầu tư trang bị bản quyền phần mềm và đào tạo thiết kế 3D cho các đơn vị.
- Áp dụng triệt để hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2010 trong tổ chức và triển khai công tác quản lý, khảo sát và thiết kế, gia công chế tạo các sản phẩm nhằm thỏa mãn tối đa yêu cầu của Khách hàng.
- Thường xuyên rà soát, hiệu chỉnh và hoàn thiện chính sách chất lượng, bao gồm các mục tiêu chất lượng đúng đắn và những biện pháp để thực hiện các mục tiêu đó. Coi nhà cung ứng là một bộ phận không thể tách rời của Công ty. Mọi thành viên trong Công ty đều là nhà cung ứng và là khách hàng, để chất lượng không ngừng cải tiến trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và hoàn thiện Bộ quy định và quy trình quản lý kỹ thuật, cẩm nang thiết kế và giám sát, sổ tay hướng dẫn, nhằm chuẩn hóa công tác thiết kế và giám sát thi công dự án. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng đồ án khảo sát, thiết kế bằng hình thức kiểm tra chéo giữa các tổ nhóm, hội đồng thiết kế tại các đơn vị.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm trong tổ chức kiểm tra, thẩm tra và thẩm định của đơn vị quản lý kỹ thuật, các Hội đồng thiết kế, các tổ/nhóm thiết kế trong lập hồ sơ khảo sát thiết kế các đồ án, không để tồn tại các sai sót, trước khi hoàn chỉnh cho xuất bản và giao nộp cho Chủ đầu tư dự án.

– Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung hiệu chỉnh các quy trình, quy định nội bộ phù hợp với các quy định pháp lý do nhà nước ban hành.

- **Công tác An toàn VSLĐ, PCCN và phòng chống bão lụt**

– Triển khai thực hiện kiểm tra định kỳ công tác AT-VSLĐ theo kế hoạch tại Công ty và hai Chi nhánh; Tổ chức tốt tuần lễ Quốc gia về AT-VSLĐ. Năm 2016, không để xảy ra sự cố cháy nổ.

– Tổ chức kiểm tra và duy tu bảo dưỡng các trang thiết bị PCCN; kiểm tra hệ thống điện khi có sự cố hoặc cúp điện.

– Trong năm 2016, đã phối hợp với Công An PCCC huấn luyện công tác cho đội PCCC của Công ty và được cấp Giấy chứng nhận Huấn luyện Nghiệp vụ Phòng cháy và Chữa cháy năm 2016.

- **Kế hoạch phát triển**

- **Nhiệm vụ kế hoạch năm 2017**

Tiếp tục phát huy các kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong những năm qua, năm 2017 Công ty xác định mục tiêu chính như sau:

– Triển khai công tác đào tạo ứng dụng các phần mềm thiết kế 3D trong lĩnh vực thiết kế NMD, đường dây và trạm biến áp mà Công ty đã trang bị cho các đơn vị trong năm 2016 để đảm bảo việc sử dụng hiệu quả giúp tăng năng suất lao động giảm thiểu sai sót mang lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

– Lập phương án cấu trúc lại tổ chức và nhân sự của XNKS để tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường, lĩnh vực hoạt động như bay chụp không ảnh, dịch vụ thí nghiệm hiện trường để giúp giải quyết khó khăn về công việc của XNKS hiện nay.

– Các đơn vị tập trung thực hiện các hợp đồng đã ký, đặc biệt là các dự án cấp bách đáp ứng nhu cầu điện miền Nam trong các năm 2019-2023. Phối hợp với các phòng ban chức năng trong công tác tìm kiếm thêm việc làm mới. Thực hiện công tác nghiệm thu thanh toán ngay từ đầu năm.

– Tập trung rà soát, xây dựng các quy trình, quy chế theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính nhưng vẫn đảm bảo tính minh bạch, đảm bảo công tác quản lý đạt hiệu quả cao.

– Triển khai thực hiện hệ thống KPIs và thang bảng lương theo qui định.

– Tập trung hoàn thiện hệ thống IT và các chương trình quản lý dự án, quản lý hợp đồng để phù hợp với qui mô phát triển cũng như đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

– Quyết liệt thực hiện các dự án đầu tư đã được EVN và HĐQT phê duyệt chủ trương. Nghiên cứu phương án và hoàn thiện các thủ tục pháp lý để trình các cấp

phê duyệt DADT; Triển khai thực hiện dự án xây dựng trụ sở 32 Ngô Thời Nhiệm.

- Tạo điều kiện cho người lao động tham gia vào các khóa đào tạo chuyên sâu, tăng cường công tác đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ nguồn; Xây dựng và phê duyệt chương trình đào tạo năm 2017 và định hướng đào tạo các năm tiếp theo.
- Hoàn thành báo cáo định hướng chiến lược

• **Kế hoạch thực hiện năm 2017**

Tiếp tục phát huy các kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong những năm qua, năm 2017 Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty dự kiến kế hoạch năm 2017 như sau:

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng</i>		
Stt	Chỉ tiêu doanh thu	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	1.816,55
2	Lợi nhuận trước thuế	125,8
3	Lợi nhuận sau thuế	100,64
4	Cổ tức (%)	Không thấp hơn 22%

DÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

📌 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Ban điều hành theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Mặc dù nền kinh tế vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ giao, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

ST T	Họ và Tên	Năm 2016		Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ %	
		Kế hoạch	Thực hiện		So với KH	So với 2015
1	Tổng doanh thu	1.011,7813	1.646,578	708,402	162	232
2	Lợi,nhuận trước thuế	75	125	123	166	101
3	Lợi,nhuận sau thuế	60	99	95	165	104
4	Cổ tức	25%	25%	25%		

📌 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Điều hành Công ty đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty, tuân thủ Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thường xuyên duy trì giám sát đối với Ban điều hành thông qua kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHCĐ.

Năm 2016 là năm có nhiều khó khăn nhưng với năng lực quản lý, chuyên môn tốt, quyết tâm cao Ban điều hành Công ty đã tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, bám sát nhiệm vụ chính là thực hiện nhiệm vụ SXKD theo các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã giao.

HĐQT chỉ đạo sửa đổi và bổ sung nhiều quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành, áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và các biện pháp quản lý tiên tiến vào các hoạt động sản xuất và quản lý của Công ty; tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, tiếp xúc và giải quyết tốt hơn các yêu cầu từ phía khách hàng từ đó làm cho mối quan hệ hợp tác giữa Công ty và các chủ đầu tư được cải thiện.

Ban điều hành đã duy trì tốt lịch trình sinh hoạt hàng tuần, tháng, quý, năm và nội dung các cuộc họp, hội nghị tổng kết, ... đã được cải thiện theo chiều hướng hiệu quả hơn.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế hoạch điều hành SXKD

- HĐQT tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng hoạt động của Công ty, tiếp tục chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội này.
- Năm 2017, hoạt động SXKD được dự báo tiếp tục chịu nhiều khó khăn, thử thách và rủi ro lớn. Việc huy động vốn đầu tư cho các dự án trong lĩnh vực điện tiếp tục gặp nhiều khó khăn... Vì thế, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã cân nhắc, rà soát kỹ sản lượng của từng đơn vị trong Công ty để chỉ đạo Ban Điều hành tăng cường tìm kiếm thêm việc làm, tăng cường công tác nghiệm thu với mục tiêu chung là phấn đấu để đạt mức cao hơn các chỉ tiêu đã thực hiện trong năm 2016.
- Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH Năm 2016
1	Tổng doanh thu	1.816,55
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	125,8
3	Lợi nhuận sau thuế	100,64
4	Cổ tức (%)	Không thấp hơn 22%

Các hoạt động khác

- HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty nghiên cứu các phương án để đầu tư trụ sở, đầu tư vào các công trình điện, đặc biệt là các Nhà máy Thủy điện, tìm kiếm cơ hội đầu tư thiết bị công nghệ các dự án lưới điện, đầu tư phát triển năng lượng tái tạo mới như điện gió, mặt trời, sinh khối...
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, quy định của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới.
- Chỉ đạo việc thực hiện xây dựng Hệ thống mô tả công việc và hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc cho từng vị trí chức danh để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giải quyết và ban hành kịp thời các Quyết định, Nghị quyết để Ban Điều hành Công ty làm cơ sở để điều hành tốt các công tác sản xuất kinh doanh, quản lý. Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Quản lý tốt công nợ, tiếp tục giảm chi phí và chống lãng phí trong mọi hoạt động của Công ty.
- Các nội dung khác trình Đại hội đồng cổ đông.

Biện pháp thực hiện

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với Ban Điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác điều hành cũng như công tác tìm kiếm công ăn, việc làm.
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh với mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.
- Tăng cường giám sát, quản lý tại các Chi nhánh để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

QUẢN TRỊ CÔNG TY HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu năm giữ cá nhân	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Chon Hùng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	3.910	0,07	Giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 14/4/2016
2	Ninh Viết Định	Thành viên HĐQT	0	0	Thôi giữ chức TV HĐQT từ ngày 14/4/2016
3	Trần Quang Lâm	Thành viên HĐQT	3.600	0,07	Giữ chức TV HĐQT từ ngày 6/9/2016
4	Võ Quang Lâm	Thành viên HĐQT	0	0	Giữ chức TV HĐQT từ ngày 14/4/2016
5	Nguyễn Trọng Năm	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	1.725	0,03	
6	Trương Khắc Len	Thành viên HĐQT	9.200	0,18	

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp và nhiều buổi làm việc, giao ban trực tiếp với Ban Điều hành Công ty nhằm nắm bắt, có các chỉ đạo, ra các Nghị quyết kịp thời liên quan đến chỉ đạo hoạt động SXKD trong năm 2016 và định hướng phát triển dài hạn của Công ty; tiếp tục ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý, điều hành của Công ty đảm bảo sự hoạt động hiệu quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà nội đối với công ty niêm yết. HĐQT đã hoàn thành trách nhiệm của người quản lý Công ty thông qua việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2016 giao cho, SXKD có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước và các cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và đảm bảo Công ty hoạt động đúng quy định của pháp luật;

Các hoạt động của HĐQT đều đúng theo lịch trình đề ra mỗi quý họp ít nhất một lần để thảo luận, thông qua các chủ trương lớn và giao nhiệm vụ cho Chủ tịch HĐQT giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT trên cơ sở các chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của TGD và Ban Điều hành Công ty phát sinh trong quá trình điều hành SXKD;

Các thành viên HĐQT đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc xây dựng Công ty nói chung và trong việc thực hiện các nhiệm vụ cá nhân đã được phân công;

Trong năm 2016, HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết sau đây:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2016/NQ-TV2	7/3/2016	Ký kết và thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy NĐ Vĩnh Tân 4 Mở rộng.
2	02/2016/NQ-TV2	4/3/2016	Công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2016
3	03/2016/NQ-TV2	31/3/2016	Phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện các hạng mục Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Vĩnh tân 4 Mở rộng
4	04/2016/NQ-TV2	31/5/2016	Về việc thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2015.
5	05/2016/NQ-TV2	20/5/2016	Kết quả sản xuất kinh doanh Quý 1/2016; Công tác tổ chức nhân sự; Kiện toàn nhân sự HĐQT; Sửa đổi, bổ sung Quy chế phân cấp quản lý cho 02 Chi nhánh; Lựa chọn đơn vị kiểm toán
6	06/2016/NQ-TV2	23/6/2016	Thông qua kết quả phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu chi trả cổ tức
7	07/2016/NQ-TV2	27/7/2016	Rà soát công tác sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm; Công tác đầu tư năm 2016; Chuẩn bị ĐHCĐ bất thường năm 2016
8	08/2016/NQ-TV2	26/8/2016	Về việc thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ
9	10/2016/NQ-TV2	15/12/2016	Về việc áp dụng Bộ mô tả công việc và vận hành Hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc
10	11/2016/NQ-TV2	23/12/2016	Về việc bổ nhiệm cán bộ.
11	12/2016/NQ-TV2	24/12/2016	Tổng kết thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016; Rà soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016; Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; Công tác thực hiện đầu tư năm 2016 và kế hoạch triển khai công tác đầu tư năm 2017; Duyệt Hệ thống thang bảng lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và hướng dẫn chuyên xếp lương; Công tác chuẩn bị ĐHCĐ TN 2017.

 **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu năm giữ cá nhân	Tỷ lệ%	Ghi chú
1	Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát			
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát			Bổ nhiệm Trưởng BKS từ ngày 14/4/2016
3	Võ Duy Bách	Thành viên BKS			Giữ chức TV BKS từ ngày 14/4/2016
4	Trần Thị Hòa	Thành viên BKS	16.200	0,365	

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của BKS Công ty, Điều lệ Công ty và theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Công tác triển khai việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty được thực hiện theo kế hoạch năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt. Hàng quý, BKS điều hợp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Công ty như thông qua Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kiểm tra giám sát, thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC), việc thực hiện các quy định, quy trình,... đồng thời đóng góp ý kiến trong công tác quản trị tại Công ty.

Các cuộc họp chính của BKS trong năm 2016 như sau:

Stt	Ngày	Nội dung cuộc họp
1	14/04/2016	Thông qua kế hoạch hoạt động của BKS năm 2016; Phân công nhiệm vụ các thành viên BKS; Xem xét và đánh giá BCTC Quý 1/2016.
2	20/05/2016	Xem xét đánh giá tính phù hợp việc chi trả cổ tức năm 2015 với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016; Thống nhất lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2016;
3	05/09/2016	Thẩm định BCTC bán niên năm 2016 đã soát xét, lập kế hoạch kiểm soát trực tiếp toàn diện các mặt hoạt động của Công ty năm 2016;

		Tham gia công tác tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2016, đảm bảo việc tổ chức ĐHCĐ theo đúng quy định hiện hành.
4	24/12/2016	Xem xét BCTC Quý 3 năm 2016 và đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2016 của Công ty; Xem xét đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016.
5	21/03/2017	Thẩm định BCTC năm 2016 đã soát xét, kiểm soát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty năm 2016; Thảo luận và thống nhất Báo cáo BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 về hoạt động BKS năm 2016 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2017

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp; Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính, bao gồm: Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty; Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc, các Chi nhánh, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, lập báo cáo thẩm định báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo sản xuất kinh doanh (SXKD), tình hình quản trị công nợ.

Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có Biên bản làm việc của Ban Kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

Một số hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát như sau:

- Tham dự các cuộc họp của HDQT theo quy định;
- Tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất cùng Ban điều hành Công ty;
- Thực hiện giám sát việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD;
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HDQT;
- Thẩm định BCTC bán niên và cả năm 2016;
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016;
- Tổ chức các buổi làm việc trực tiếp của BKS với các phòng ban có liên quan của công ty.

+ Ngày 07/9-09/09/2016: Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016; đánh giá thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT 6 tháng năm 2016; rà soát việc thực hiện các kiến nghị của BKS tại Biên bản làm việc tháng 3/2016; đánh giá tình hình quản lý, điều hành SXKD 6 tháng năm 2016 của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các nội dung khác có liên quan.

+ Ngày 21/03/2017-24/03/2017: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016, đánh giá thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2016, rà soát việc thực hiện các kiến nghị của BKS tại các biên bản làm việc trong năm 2016, đánh giá tình hình quản lý, điều hành SXKD năm 2016 của HĐQT, Ban TGD và các nội dung khác có liên quan.

– Tham gia công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên cũng như bất thường năm 2016, đảm bảo việc tổ chức ĐHĐCĐ theo đúng quy định hiện hành.

– Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, BKS cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu với Công ty và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

– Thành viên Ban Kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nâng cao nghiệp vụ:

+ Ngày 14-18/03/2016: Tham gia Hội nghị giao ban công tác kiểm soát và lớp đào tạo tập huấn nâng cao nghiệp vụ Kiểm soát năm 2016 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (cổ đông lớn của Công ty) tổ chức.

+ Tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức chuyên môn và các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

– Tham gia hội nghị người đại diện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (cổ đông lớn của Công ty) tại các Doanh nghiệp năm 2016 vào ngày 30/06/2016.

➤ **Kết quả kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu	TH năm 2015	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	708,402	1.011,813	1.646,578	162,74%	232,44%
2	Lợi nhuận trước thuế	123,190	75,000	125,409	167,21%	101,80%
3	Lợi nhuận sau thuế	95,922	60,000	99,435	165,73%	103,66%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	17.405		19.626		112,76%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	25	22	25		

Trong năm 2016, Công ty đã có cố gắng nỗ lực trong tìm kiếm công việc, tăng doanh thu cung cấp dịch vụ, kết quả sản xuất kinh doanh có lãi. Chỉ tiêu

doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức ĐHCĐ thường niên 2016 giao và cao hơn năm 2016.

➤ **Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT và Ban điều hành**

– Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ (04 cuộc họp vào các ngày 14/03/2016, 20/05/2016, 27/07/2016 và 24/12/2016 để thống nhất một số nội dung quan trọng như: xem xét kết quả SXKD, lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch SXKD, công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên, công tác quy hoạch đất đai và đầu tư, công tác tổ chức nhân sự, công tác tổ chức các phòng, ban cho phù hợp với tình hình mới,... Ngoài ra, HĐQT còn thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền khác dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản.

– Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT theo đúng chức năng và thẩm quyền.

– Ban Kiểm soát cho rằng HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và lên kế hoạch cho năm 2016, công tác nghiệm thu và thu hồi công nợ, các công tác quản lý và các mặt hoạt động khác. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Ban Kiểm soát ghi nhận chưa phát hiện được điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

• **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương (Triệu đồng)	Thù lao (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch kiêm TGD	486.000	96.000	
2	Ninh Viết Định	Thành viên		18.450	
3	Võ Quang Lâm	Thành viên		58.650	
4	Trần Quang Lâm	Thành viên	103.500	20.700	Từ tháng 9/2016
5	Nguyễn Trọng Nam	Thành viên		82.800	
6	Trương Khắc Len	Thành viên		82.800	

• **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát:**

S T T	Họ và Tên	Chức vụ	Lương (Triệu đồng)	Thù lao (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng Ban		14.000	
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	78.750	11.000	Từ tháng 4/2016
3	Võ Duy Bách	Thành viên		34.000	
2	Trần Thị Hòa	Thành viên		48.000	

✚ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan:**

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Thù lao (Triệu đồng)	Ghi chú	
1	Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	3.910	0,07	3.910	0,07	
2	Trần Quang Lâm	TV HĐQT	4.600	0,09	3.600	0,07	Bán CP
3	Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	5.750	0,11	750	0,01	Bán CP
4	Trần Thị Lam Phương	Vợ CT HĐQT	3.910	0,07	8.910	0,17	Mua CP
5	Phan Thị Chanh	Vợ TV HĐQT	4.600	0,09	0	0	Bán CP
6	Nguyễn Trọng Nghĩa	Chồng Trưởng BKS	1.150	0,20	0	0	Bán CP

✚ **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có**

✚ **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Để tăng cường minh bạch và nâng cao chất lượng hoạt động, Công ty đã điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản trị Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư của Bộ Tài Chính quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và các quy định về quản trị được tuân thủ thực hiện từ lãnh đạo cấp cao đến nhân viên tại Công ty.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các báo cáo quản trị định kỳ (theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT_BTC).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chơn Hùng
Nguyễn Chơn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 47



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tài chính") của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 6 đến trang 47 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chu tịch	
Ông Võ Quang Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2016
Ông Nguyễn Trọng Nam	Thành viên	
Ông Trương Khắc Len	Thành viên	
Ông Trần Quang Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Ninh Việt Định	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2016

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14/04/2016
Bà Trịnh Thúy Quỳnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14/04/2016
Bà Trần Thị Hòa	Thành viên	
Ông Võ Duy Bách	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2016

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quang Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/12/2016

Kế toán trưởng

Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23/12/2016
--------------------	----------------	--------------------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 37.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính Tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính Tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

_____ và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN DỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17/03/2017, từ trang 00 đến trang 47 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

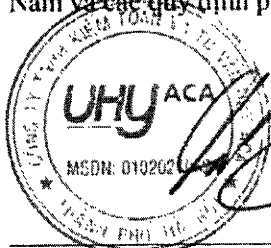
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

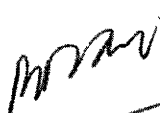
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0798-2014-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017


Lương Ngô Bảo Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

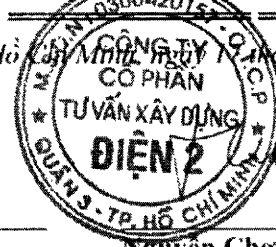
TÀI SẢN	Mã số Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	30.905.162.072	204.385.856.331
Tiền	111	19.655.162.072	30.588.606.331
Các khoản tương đương tiền	112	11.250.000.000	173.797.250.000
Dấu tư tài chính ngắn hạn	120	594.243.879.629	80.000.000.000
Dấu tư nam giữ đến ngày đáo hạn	123	594.243.879.629	80.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	172.605.704.398	273.632.645.008
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	137.905.734.971	183.342.350.064
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	61.201.712.294	112.479.048.482
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.085.485.173	4.806.889.237
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(30.588.540.229)	(26.997.549.855)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	1.312.189	1.907.080
Hàng tồn kho	140	540.554.634.311	47.537.995.590
Hàng tồn kho	141	540.554.634.311	47.537.995.590
Tài sản ngắn hạn khác	150	43.966.378.496	2.184.917.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.489.141.768	2.184.917.074
Thuế GTGT được khấu trừ	152	42.477.236.728	-
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Các khoản phải thu dài hạn	210	227.100.000	580.250.458
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	353.150.458
Phải thu dài hạn khác	216	227.100.000	227.100.000
Tài sản cố định	220	37.266.638.096	25.688.325.805
Tài sản cố định hữu hình	221	23.922.019.972	17.913.997.694
- Nguyên giá	222	90.510.163.046	78.940.020.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(66.588.143.074)	(61.026.023.074)
Tài sản cố định vô hình	227	13.344.618.124	7.774.328.111
- Nguyên giá	228	19.240.984.304	11.477.544.295
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(5.896.366.180)	(3.703.216.184)
Tài sản dở dang dài hạn	240	1.649.876.929	1.168.981.501
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	1.649.876.929	1.168.981.501
Dấu tư tài chính dài hạn	250	18.406.850.600	18.406.850.600
Dấu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	18.406.850.600	18.406.850.600
Tài sản dài hạn khác	260	20.616.761.166	8.502.061.976
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.976.409.363	1.870.002.442
Tài sản thuộc thu nhập hoãn lại	262	18.640.351.803	6.632.059.534
TỔNG TÀI SẢN	270	1.460.442.985.697	662.087.884.343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.157.759.089.108	453.637.028.270
Nợ ngắn hạn	310		1.053.917.839.640	421.044.116.249
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	218.222.312.932	49.915.260.457
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		339.976.690.484	71.466.599.563
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	25.491.780.050	57.470.810.769
Phải trả người lao động	314		135.132.216.898	114.529.469.280
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	178.618.893.302	46.979.555.392
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		7.235.887.418	353.905.461
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.247.754.198	6.029.165.658
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	38.418.102.097	34.410.814.864
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	93.781.364.840	33.201.766.022
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.792.837.421	6.686.768.783
Nợ dài hạn	330		103.841.249.468	32.592.912.021
Phải trả người bán dài hạn	331		-	434.270.164
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	2.559.139.862
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	17.482.263.010	8.492.263.010
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	84.818.986.458	19.567.238.985
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.540.000.000	1.540.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		302.683.896.589	208.450.856.073
Vốn chủ sở hữu	410	22	302.633.371.192	208.400.327.325
Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.987.640.000	44.390.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.987.640.000	44.390.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.922.641.050	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.783.218.022	8.857.682.530
Cổ phiếu quỹ	415		-	(345.866.310)
Quỹ đầu tư phát triển	418		48.912.523.460	34.719.967.727
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		186.022.326.460	120.773.929.178
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		86.587.167.545	24.851.481.152
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		99.435.158.915	95.922.448.026
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		5.022.200	4.614.200
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.525.397	50.528.748
Nguồn kinh phí	431		50.525.397	50.528.748
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.100.312.785.697	662.087.884.343

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2017



[Signature]
Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập biểu

[Signature]
Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.646.578.474.567	708.402.352.700
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.646.578.474.567	708.402.352.700
Giá vốn hàng bán	11	25	1.398.127.453.986	529.746.000.313
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		248.451.020.581	178.656.352.387
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	24.428.721.459	17.306.715.571
Chi phí tài chính	22	27	14.164.053.022	3.187.397.300
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.101.826.040	2.296.149.575
Chi phí bán hàng	25	28	67.446.216.584	20.684.209.334
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	67.039.425.763	53.055.064.862
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		124.230.046.671	119.036.396.462
Thu nhập khác	31	29	1.676.979.824	4.820.276.448
Chi phí khác	32	30	497.615.111	666.829.013
Lợi nhuận khác	40		1.179.364.713	4.153.447.435
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		125.409.411.384	123.189.843.897
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	37.982.544.738	33.503.109.577
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(12.008.292.269)	(6.235.713.506)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.435.158.915	95.922.448.026
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	19.626	17.405
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	19.626	17.405

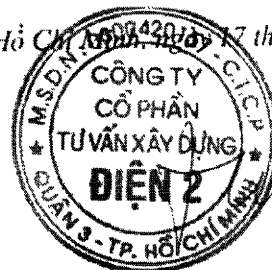
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017



Hoàng Thụy Hoài Yên
Người lập biểu



Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng




Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		125.409.411.384	123.189.843.897
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.043.884.911	6.405.663.739
Các khoản dự phòng	03		129.422.336.665	44.192.844.673
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.775.011.290	(1.808.683.411)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(23.302.773.624)	(14.914.155.522)
Chi phí lãi vay	06		3.101.826.040	2.296.149.575
Các điều chỉnh khác	07		-	1.540.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		254.449.696.666	160.901.662.951
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		59.073.845.981	(111.040.658.374)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(493.016.638.721)	(4.820.685.915)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		549.996.581.290	(57.978.728.813)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		589.368.385	(1.728.235.553)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.127.943.283)	(2.079.641.628)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(41.459.345.269)	(17.329.256.623)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		754.764.952	368.902.950
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.037.888.095)	(2.281.599.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		325.222.441.906	(35.988.240.205)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.301.049.539)	(11.393.050.795)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		316.862.572	38.381.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(808.437.291.876)	(4.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		294.193.412.247	57.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.434.554.922	14.951.773.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(511.793.511.674)	56.597.104.703

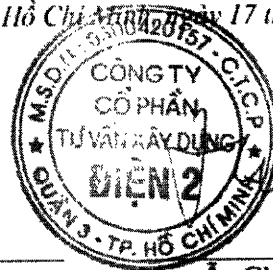
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.268.507.360	-
Tiền thu từ đi vay	33		337.870.081.677	93.239.140.509
Tiền trả nợ gốc vay	34		(324.872.794.444)	(77.559.997.209)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.786.350.000)	(9.597.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.479.444.593	6.082.123.300
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(173.091.625.175)	26.690.987.798
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	204.385.856.331	177.681.264.276
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(389.069.084)	13.604.257
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	30.905.162.072	204.385.856.331

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Hoàng Thụy Hoài Yên
Người lập biểu

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300120157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 15 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.987.640.000 đồng chia thành 5.098.764 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV2.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn, dịch vụ kỹ thuật, xây dựng các công trình nguồn điện.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng các công trình nguồn điện, thủy lợi và các công trình công cộng, dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện;
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường; Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh; Tư vấn môi trường; Tư vấn giải pháp công nghệ sản xuất sạch, thiết lập cơ chế sản xuất sạch;
- Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không hoạt động tại TP.HCM);
- Chế tạo thiết bị cơ khí, mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Mua bán vật tư thiết bị xây dựng;
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất phụ kiện, dụng cụ chuyên ngành điện, gia công cột điện các loại, cột ăng ten viễn thông (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ súng đạn, vũ khí thô sơ);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao: Sân vận động bóng đá, sân cầu lông, sân bóng bàn, sân bóng chuyên, sân tennis;
- Hoạt động thể thao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trên 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh.

Công ty có hai Chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc, gồm:

- Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam
Địa chỉ: 45 Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.
- Xí nghiệp Cơ Điện
Địa chỉ: 45 Đường số 2, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.

Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty và 02 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu và các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 05
- Phương tiện vận tải	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Một số tài sản cố định hữu hình được khấu hao nhanh 02 lần hoặc 04 lần so với mức thời gian khấu hao thông thường theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Phần mềm máy vi tính	03 - 05
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "Tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khác.

4.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đã phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chi tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị ghi nhận thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.13 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.13 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế dịch danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế dịch danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hồi đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch mua và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.14 Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận khối lượng hoàn thành, biên bản quyết toán, bàn giao sản phẩm hoàn thành được bên A chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hoạt động xây lắp được kết chuyển phù hợp với khối lượng hoàn thành và doanh thu đã ghi nhận. Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế và cơ khí được kết chuyển theo tỷ lệ phân bổ tương ứng với doanh thu ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.15 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chỉ phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TẾP)

Công cụ tài chính

Tại ngày 31/12/2016, công cụ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch. Công cụ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Danh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về danh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 BÊN TÊN GỖ AN

Các bên liên quan là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới việc đưa ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty hoặc Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền kiểm soát hoặc gián tiếp hoặc nắm giữ quyền kiểm soát hoặc nắm giữ chức vụ quan trọng của Công ty hoặc các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo định nghĩa liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các đơn vị trực thuộc của công ty con, các công ty liên doanh và các công ty liên kết của EVN, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Công ty con nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

5. THÂN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tên tài sản	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
Tiền mặt	358.496.857	363.027.506
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn	19.296.665.215	30.225.578.825
Các khoản phải thu tương đương tiền (*)	11.250.000.000	173.797.250.000
Cộng	30.905.162.072	204.385.856.331

(*) Là khoản nợ có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 12% năm đến 15%/năm đối với VND và 0% năm với USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	594.243.879.629	594.243.879.629	80.000.000.000	80.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	594.243.879.629	594.243.879.629	80.000.000.000	80.000.000.000
Dài hạn				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.406.850.600	18.406.850.600	18.406.850.600	18.406.850.600
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (**)	1.656.850.600	1.656.850.600	1.656.850.600	1.656.850.600
Công ty Cổ phần Điện Buôn Đôn (***)	16.750.000.000	16.750.000.000	16.750.000.000	16.750.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,3% đến 7,1%/năm.

(**) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chiếm tỷ lệ 0,45% trên vốn điều lệ của quyết định quyết tương ứng.

(***) Khoản góp vốn vào Công ty Thủy điện Buôn Đôn chiếm tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ cùng quyết định quyết tương ứng.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	137.905.734.971	183.342.350.064
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	-	20.653.638.778
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	60.218.240.417
- Limited liability company "Energoproject Technology"	34.371.331.062	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	103.534.403.909	102.470.470.869
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	353.150.458
- Ban Quản lý Dự án CCTĐ Miền Trung	-	139.930.200
- Ban Quản lý Dự án CCTĐ Miền Bắc	-	213.220.258
Phải thu của khách hàng các bên liên quan	45.166.472.997	143.178.166.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận tập thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng	1.489.141.768	2.184.917.074
- Công cụ tài chính phân bổ	1.205.714.138	367.378.042
- Các khoản khác	283.427.630	1.817.539.032
Dài hạn	1.976.409.363	1.870.002.442
- Công cụ định giá phân bổ	869.709.926	599.488.030
- Chi phí trả trước khác	1.106.699.437	1.270.514.412
Cộng	3.465.551.131	4.054.919.516

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Cả trị VND	Dự phòng VND	Cả trị VND	Dự phòng VND
Ngân hàng	4,085,485,173	499,974,813	4,806,889,237	2,086,725,791
- Ngân hàng	1,306,431,022	-	660,189,219	-
- Các đơn vị tài chính khác có hạn	2,779,054,151	-	407,289,668	-
- Tài sản dự phòng 30/11/2016 (1)	199,999,999	499,974,813	2,036,410,350	2,086,725,791
- Vật tư công trình thi công	-	-	338,910,091	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Ba Rịa Vũng Tàu về thuê chuyên quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ	1,473,892,055	-	645,849,139	-
- Phải thu khác	227,100,000	-	227,100,000	-
Dài hạn	227,100,000	-	227,100,000	-
- Kỳ chờ, kỹ quỹ	227,100,000	-	227,100,000	-
Cộng	4,312,585,173	499,974,813	5,033,989,237	2,086,725,791

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải trả ngắn hạn	57.292.228.684	20.863.718.425	37.093.609.987	10.495.607.132
Phải trả dài hạn	34.371.331.062	20.708.073.465	-	-
Thu hợp đồng 30/11/2011 (EPT)	499.974.813	-	-	-
ĐIỀU DÀ Thủy điện 6	34.371.331.062	20.708.073.465	2.626.111.118	830.491.015
ĐIỀU DÀ Thủy điện 5	34.371.331.062	20.708.073.465	4.443.711.118	1.408.178.102
ĐIỀU DÀ Thủy điện 4	34.371.331.062	20.708.073.465	4.443.711.118	1.408.178.102
ĐIỀU DÀ Thủy điện 3	34.371.331.062	20.708.073.465	4.443.711.118	1.408.178.102
ĐIỀU DÀ Thủy điện 2	34.371.331.062	20.708.073.465	4.443.711.118	1.408.178.102
ĐIỀU DÀ Thủy điện 1	34.371.331.062	20.708.073.465	4.443.711.118	1.408.178.102
ĐIỀU DÀ Thủy điện khác	34.371.331.062	20.708.073.465	4.443.711.118	1.408.178.102
Tổng	92.663.559.746	41.571.841.930	37.493.609.987	10.495.607.132

Giá trị có thể thu hồi là số tiền mà Công ty có kỳ vọng nhận được từ các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn, sau khi trừ đi các khoản chi phí dự kiến để thu hồi.

Limited liability company "Energoproject Technology"

Thu hợp đồng 30/11/2011 (EPT)

ĐIỀU DÀ Thủy điện 6

ĐIỀU DÀ Thủy điện 5

ĐIỀU DÀ Thủy điện 4

ĐIỀU DÀ Thủy điện 3

ĐIỀU DÀ Thủy điện 2

ĐIỀU DÀ Thủy điện 1

ĐIỀU DÀ Thủy điện khác

Tổng

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.784.062.039	-	12.355.555.662	-
Công cụ, dụng cụ	291.837.592	-	378.669.248	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	507.603.843.538	-	32.845.432.387	-
Hàng hóa	1.874.891.142	-	1.958.338.293	-
Cộng	540.554.634.311	-	47.537.995.590	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa cột dọc trục	Máy móc bộ chế	Phương tiện văn phòng, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	PNCD HH sử dụng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2016	20.047.191.801	27.402.815.846	26.483.846.977	4.659.519.712	346.646.432	78.940.020.768
- Mua trong năm	-	822.690.000	5.613.649.203	1.497.388.225	-	7.933.727.428
- Đầu tư XDCB (tại 31/12/2016)	5.776.923.165	155.600.000	-	-	-	5.932.523.165
- Chuyển nhượng tài sản cố định khác	(3.277.752.91)	-	467.222.111	1.826.762.065	-	(1.074.773.755)
Tại 31/12/2016	22.546.061.055	28.280.505.846	32.104.718.181	7.973.670.002	346.646.432	90.510.993.416
HẠO MÓN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2016	(11.332.908.281)	(23.906.630.484)	(21.871.506.354)	(3.390.851.272)	(225.560.683)	(61.026.023.074)
- Sử dụng hao trong năm	(9.040.660.648)	(1.558.359.024)	(4.843.598.771)	(774.667.113)	(13.360.360)	(7.850.734.915)
- Chuyển nhượng, nhượng quyền tài sản khác	-	(258.033.359)	(1.467.712.270)	(182.876.200)	-	(1.908.632.729)
- Chuyển khác	(3.908.218.91)	-	-	-	-	(379.982.159)
Tại 31/12/2016	(14.281.787.820)	(25.723.022.867)	(28.182.817.395)	(4.248.395.585)	(238.921.043)	(66.588.143.674)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	8.714.283.520	3.496.185.362	4.612.340.625	1.268.668.440	121.079.749	17.913.997.694
Tại 31/12/2016	13.323.256.637	2.961.149.338	5.538.291.056	1.991.389.552	107.933.389	23.922.019.972

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016: 56.810.515.043 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2016	7.415.748.242	4.061.796.053	11.477.544.295
- Mua trong năm	-	7.763.440.009	7.763.440.009
Tại 31/12/2016	7.415.748.242	11.825.236.062	19.240.984.304
GIÁ TRỊ HẠO MÓN			
Tại 01/01/2016	298.685.812	3.404.530.372	3.703.216.184
- Trích khấu hao trong năm	130.473.568	2.062.676.228	2.193.149.996
Tại 31/12/2016	129.159.580	5.467.206.600	5.896.366.180
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	7.117.062.430	657.265.681	7.774.328.111
Tại 31/12/2016	6.986.588.662	6.358.029.462	13.344.618.124

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016: 3.761.666.053 đồng

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.619.876.929	1.619.876.929	1.168.981.501	1.168.981.501
- Mua sắm	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	1.619.876.929	1.619.876.929	1.168.981.501	1.168.981.501
Công trình Thủy điện Long Hà	657.074.281	657.074.281	508.807.446	508.807.446
Thủy điện Thác Bà 2	512.979.901	512.979.901	512.979.901	512.979.901
Thủy điện Đắk Rông 1	449.822.747	449.822.747	-	-
Công trình khác	400.559.999	400.559.999	147.194.154	147.194.154
Cộng	1.619.876.929	1.619.876.929	1.168.981.501	1.168.981.501

15. TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÀN LẠI

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại của Báo cáo tài chính không chênh lệch tạm thời	6.632.059.534	6.632.059.534
Cộng	6.632.059.534	6.632.059.534

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
32 Ngõ Thời Nhiệm, P7, Q3, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Giá trị USD	Giá trị VND	Giá trị USD
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	218.222.312.932	218.222.312.932	49.915.260.457	49.915.260.457
FICHTNER	-	-	5.134.025.960	5.134.025.960
Atlas Copco Wuxi	-	-	5.271.619.136	5.271.619.136
Siemens	94.660.710.782	94.660.710.782	-	-
Các công nợ khác	123.561.602.150	123.561.602.150	39.509.615.361	39.509.615.361
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	4.394.790.104	4.394.790.104
Các khoản phải trả người bán tài trợ liên quan	18.409.258.202	18.409.258.202	14.434.44.434	14.434.44.434
Tổng cộng	431.292.283.914	431.292.283.914	99.230.605.352	99.230.605.352

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
 32 Ngõ Thời Nhiệm, P7, Q3, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã thu nộp	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí và các khoản phải nộp				
- Chi phí giá trị gia tăng (phần hợp)	27.539.799.722	1.007.300.000	185.700.110.433	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	22.508.006	22.508.006	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	255.997.721	255.997.721	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.539.799.722	37.982.544.738	41.459.345.269	24.062.999.191
- Thuế thu nhập cá nhân	101.669.583	31.001.7574	13.013.878.378	1.417.289.170
- Thuế địa phương	-	1.000.000	1.000.000	-
- Các khoản thuế khác	-	1.000.000	1,000,000	1,000,000
- Phí và phí về các khoản phải nộp khác	-	130.678.025	130.678.025	-
Tổng cộng	55.749.170.727	103.113.680.717	215.895.933.336	25.491.780.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh chi phí dự phòng liên quan đến chi phí được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGAN HẠN

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Chi phí dự phòng chi phí lãi vay	27.153.213	267.687.613
Chi phí dự phòng chi phí công nợ	178.941.195.074	46.436.375.698
Chi phí dự phòng khác	400.244.985	275.492.081
Cộng	178.618.893.302	46.979.555.392

Tính đến 31/12/2016, Công ty thực hiện trích trước chi phí của công trình EPC-Vĩnh Tân 4 theo Quyết định số 40/QĐ-TV2 ngày 19/01/2016 của Tổng Giám đốc. Theo đó:

Chi phí dự phòng 10% tính trên tổng số chi phí phát sinh trong năm 2016 của các hạng mục thiết kế, lập hồ sơ, lập hàng loạt, xây dựng, và hoặc có nhiều rủi ro cho Chi phí dự phòng cho việc phạt chậm chũu đầu tư áp dụng theo điều kiện hợp đồng.

Chi phí dự phòng 10% tính trên tổng số chi phí phát sinh năm trong năm 2016 của các hạng mục thiết kế, lập hồ sơ, lập hàng loạt, xây dựng, và hoặc có nhiều rủi ro cho Chi phí dự phòng cho việc phạt chậm chũu đầu tư áp dụng theo điều kiện hợp đồng.

Tính đến 31/12/2016 chi phí dự phòng chi phí phải trả bằng được vượt quá 10% doanh thu dự kiến của công trình.

19. PHẢI TRẢ NGAN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
- Tài sản chờ giải quyết	5.320.624	3.707.252
Chi phí dự phòng đoàn	1.973.531.328	2.155.420.533
Chi phí dự phòng thuế	563.674.950	442.933.162
Chi phí dự phòng thuế	56.337.194	45.259.293
Chi phí dự phòng tại ngân hàng	22.133.862	25.134.860
Chi phí dự phòng phải trả người khác	3.826.756.240	3.356.710.558
Chi phí dự phòng công đoàn	1.016.864.026	1.085.184.745
Chi phí dự phòng có tức	716.339.767	1.164.624.487
Chi phí nhận bán đất Phú Mỹ	-	520.000.000
Chi phí dự phòng chi phí dòng chảy chi phí	119.586.390	372.966.951
Chi phí dự phòng khác	-	-
Chi phí dự phòng chi phí phải trả chi phí lãi	1.553.966.057	213.914.375
Cộng	6.247.754.198	6.029.165.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỰ CHỌN

(Các thuyết minh chi phí dự phòng và chi phí dự phòng được trình bày đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DỰ PHÒNG CHỐI TRÁ

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
- Dự phòng chi phí dự phòng phân trả các công trình EPC-Vĩnh Tàu	21.781.364.840	33.201.766.022
- Dự phòng chi phí dự phòng phân trả các công trình EPC-Vĩnh Tàu	4.775.159.140	2.282.077.680
- Dự phòng chi phí dự phòng phân trả các công trình EPC-Vĩnh Tàu	89.396.205.700	30.919.688.342
Dự phòng	81.818.986.458	19.567.238.985
- Dự phòng chi phí dự phòng phân trả các công trình xây dựng (**)	81.818.986.458	19.567.238.985
Tổng cộng	174.609.351.298	52.769.005.007

(*) Công ty trích lập dự phòng chi phí dự phòng phân trả các công trình EPC-Vĩnh Tàu theo Quyết định số 90/TN-VN ngày 19/01/2016 của Tổng Giám đốc. Công ty trích lập dự phòng chi phí dự phòng phân trả trong năm 2016 cho Chi phí dự phòng cho các yếu tố chi phí dự phòng phân trả và chi phí khác.

Tổng chi phí dự phòng phân trả chi phí dự phòng phân trả cho công trình (tại Thuyết minh chi phí dự phòng phân trả) dự phòng phân trả công trình xây dựng không đủ để bù đắp 0% doanh thu dự án của dự án.

(**) Công ty trích lập dự phòng chi phí dự phòng phân trả EPC - Vĩnh Tàu theo tỷ lệ 5% doanh thu dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

32 Ngô Thời Nhiệm, P7, Q3, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

STT	Nội dung	Trong năm		Tại 31/12/2016	
		Tại 01/01/2016	Trong năm	Tại 31/12/2016	Tại 31/12/2016
	Vay Ngân - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	8.492.263.010	14.364.400.721	5.374.400.721	17.482.263.010
b)	Vay dài hạn	8.492.263.010	14.364.400.721	5.374.400.721	17.482.263.010
-	Vay cân bộ công nhận viện (**)	8.492.263.010	14.364.400.721	5.374.400.721	17.482.263.010
					17.482.263.010
					17.482.263.010

Đầu tiên, công ty đã ký kết hợp đồng vay tại Ngân hàng Công Thương và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Các khoản vay được bảo lãnh vay; thế chấp cầm cố đầy đủ chuyển thiết bị tại Xi nghiệp Cơ Điện và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Chi phí lãi vay được tính theo lãi suất thả nổi cộng thêm 3% tính trên dư nợ vay từ 01 đến 03/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thông tin chi tiết bổ phận hợp thành báo cáo tài chính được trình bày với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC CÔNG CỤ SỞ HỮU

22.1 CÔNG CỤ SỞ HỮU ĐẠI TƯỚNG SỞ HỮU SỐ ĐỐI

	Tại 31/12/2016	Tỷ lệ	Tại 01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Chủ tịch HĐQT	22.754.900.000	51,26%	22.754.900.000	51,26%
Chủ tịch HĐQT kiêm LLCT	4.402.000.000	9,92%	4.402.000.000	9,92%
Chủ tịch HĐQT kiêm LLCT kiêm Giám đốc	0	0,00%	-	0,00%
Chủ tịch HĐQT kiêm LLCT kiêm Phó Giám đốc	16.828.100.000	37,65%	16.828.100.000	37,91%
Chủ tịch HĐQT kiêm LLCT kiêm Phó Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội	405.000.000	0,91%	405.000.000	0,91%
Tổng cộng	44.390.000.000	100%	44.390.000.000	100%

22.2 CÔNG CỤ SỞ HỮU ĐẠI TƯỚNG SỞ HỮU SẴN VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Phân phối cổ tức cho chủ sở hữu		
Phân phối năm	44.390.000.000	44.390.000.000
Phân phối trong năm	0	-
Phân phối ngoài năm	0	-
Phân phối năm	44.390.000.000	44.390.000.000
Phân phối dự chưa chi	9.676.700.000	9.676.700.000

Chi tiết phân phối cổ tức cho chủ sở hữu được trình bày ở mục 4.0 cổ phiếu.

22.3 Cổ phiếu

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	5.098.764	4.439.000
Số cổ phiếu đang lưu hành do công ty nắm giữ	5.098.764	4.439.000
Tổng cộng	5.098.764	4.439.000
Số cổ phiếu chưa giao hàng	0	40.500
Tổng cộng	0	40.500
Chiến đấu chưa thanh toán	5.098.764	4.479.500
<i>Chi tiết</i>	<i>5.098.764</i>	<i>4.479.500</i>
Số cổ phiếu đã thanh toán	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO
 (Các thông tin này là bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CÔNG NỢ VÀ KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
Nợ ngoài		
- USD	376.798,55	8.621,71
- RUB	7.520,00	7.520,00
Nợ kho đầu tư	-	-

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu	1.640.578.474,567	708.402.352,700
Doanh thu hoạt động kinh doanh chính kế	1.590.773.713,797	592.656.006,555
Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	15.806.245,463	115.542.368,861
Doanh thu bán hàng hóa	-	115.338,000
Doanh thu khác	34.008.515,307	88.632,284
	<u>1.640.578.474,567</u>	<u>708.402.352,700</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí hoạt động khảo sát, thiết kế	1.270.64.231,458	429.314.864,815
Chi phí hoạt động gia công cơ khí	11.333.222,528	100.325.345,498
Chi phí về bán hàng hóa	-	105.790,000
	<u>1.281.974.453,986</u>	<u>529.746.000,313</u>

26. CHI THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu gửi, tiền cho vay	13.721.430,692	13.721.430,692
Thu lãi thanh toán	4.694,223	3.231,086
Thu lợi nhuận được chia	1.030.376,000	1.030.376,000
Thu chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	1.742.288,858	742.991,382
Thu chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi ngoại tệ	-	1.808.683,411
Thu hoạt động tài chính khác	101.255,878	-
	<u>17.328.721,459</u>	<u>17.306.715,571</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
 32 Nguyễn Huệ, Phường 7, Quận 1, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thông tin này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Việt Nam
 tính đến và kể từ ngày 31-12-2016
 (Đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI TIẾT TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	1.826.010	2.296.149.575
Chi phí chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.287.215.692	872.920.383
Chi phí chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi giá lại	175.011.290	-
Chi phí khác	-	18.327.342
Tổng chi phí tài chính	8.288.245.000	3.187.397.300

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	61.209.425.763	53.055.064.862
Chi phí nguyên vật liệu, chi công	13.146.878	4.282.798.491
Chi phí nhân viên quản lý	20.078.235	21.519.281.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.684.870	2.016.128.184
Chi phí thuê nhà, lệ phí	1.381.462	3.490.723.694
Chi phí nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(6.351.518.778)
Chi phí nhập dự phòng phải trả khó đòi	1.300.990.374	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.894.224.315	4.158.689.085
Chi phí bằng tiền khác	1.029.066.401	19.517.101.749
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.487.000	4.421.861.068
Chi phí bán hàng	20.226.216.531	20.684.209.334
Chi phí nguyên vật liệu, chi công	1.318.835	8.545.564
Chi phí nhân viên bán hàng	5.675.619	35.521.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	91.341.619
Chi phí bảo hành công trình	1.054.828.933	20.508.491.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.704.176	18.263.132
Chi phí bằng tiền khác	1.679.000	22.046.400
Chi phí giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(12.028.285.269)
Chi phí nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(6.351.518.778)
Chi phí giảm quỹ lương năm 2015 (*)	-	(5.676.766.491)

Chi tiết điều chỉnh giảm quỹ lương, xem thông tin công bố số 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ Y DỰNG ĐIỆN 2
32 Nguyễn Huệ, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Số 03 Nguyễn Huệ, Quận 3, TP.HCM, Việt Nam
Lời thục ngày 31/12/2016

THỤ NHẬP VÀ CHI PHÍ BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các số liệu này là bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính kèm theo)

29. NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí xuất bản tài liệu	-	1.630.246.122
Thuế mặt bằng đặt máy ATM	95.092.025	91.639.046
Chi phí nhập từ đền bù mở đường	659.921.944	-
Chi phí nhập từ khoản trích trước chi phí quan	-	2.152.282.854
Chi phí năng năm - Dự án Điện hạt nhân Thuận	-	-
Chi phí lý TSCĐ, vật tư, ODC	46.812.712	42.481.818
Chi phí nhập bảo hành các công trình	-	883.816.510
Chi phí nhập khác	1.011.093.283	19.810.098
Tổng cộng	1.716.917.824	4.820.276.448

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	1.577.000	-
Chi phí xuất bản tài liệu	-	376.239.481
Chi phí phạt và nộp bổ sung về thuế	73.651.705	217.438.936
Chi phí hoàn chi phí khác	12.463.346	73.150.596
Tổng cộng	14.101.151	666.829.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) CHI TIẾT

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	123.189.843,897	123.189.843,897
Các khoản điều chỉnh tăng	21.782.947,776	21.782.947,776
Các khoản điều chỉnh giảm	2.685.930,868	2.685.930,868
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (*)	121.286.860,805	152.286.860,805
Thu suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.503.109,377	33.503.109,377
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	37.503.109,377	33.503.109,377

(*) Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí lương năm 2015 và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 của Công ty tăng tương ứng 39,961,117,523 đồng. Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2015 là 152,286,860,805 đồng. Số liệu so sánh là số liệu sau khi điều chỉnh hồi tố năm 2015.

32. LÃI CÒN BÊN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	99.999,999	99.999,999
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận lệch tỷ giá do đánh giá lại		(1.881.213,819)
Trợ cấp khen thưởng phúc lợi		(1.808.683,411)
Số bình quân gia quyền của số phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	5.058,264	5.058,264
Lãi còn bên trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	17,405	17,405

Lãi còn bên trên cổ phiếu năm 2015 đã được điều chỉnh giảm 17,405 VND/CP.

(1) Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 659,141 cổ phiếu ưu đãi theo tỷ lệ 15% do đợt chào bán cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2015. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu theo quy định tại khoản mục kế toán Việt Nam số 30 (từ 1.008,500 VND/CP) để phân bổ lợi 5.058,264 cổ phiếu.

(2) Theo báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc năm 2015, Công ty đã được kiểm toán lợi nhuận để tính lại cơ bản trên cổ phiếu của Công ty dựa trên số liệu về tỷ lệ trích của quỹ khen thưởng và phúc lợi của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015. Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 là 1,808,683,411 VND.

(3) Đồng thời, việc điều chỉnh hồi tố quỹ lương năm 2015 của Công ty đã được điều chỉnh giảm đi 38.862,111 VND/CP.

Do đó, Công ty đã điều chỉnh số liệu so sánh năm 2015 như sau:

Ngoài ra, lợi nhuận để tính lại cơ bản trên cổ phiếu của Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuật ngữ trong đây là bộ phận lập thành và cần được đọc kèm theo thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo)

33. CHI PHÍ SỬ DỤNG GIẢM TRỊ CỔ PHIẾU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí phân hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	95,922,418,026	95,922,418,026
Chi phí hoàn điều chỉnh năm	7,881,213,819	-
Chi phí chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(7,808,683,411)	-
Chi phí quỹ khen thưởng phúc lợi	(10,072,530,408)	-
Chi phí quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	5,058,264	5,058,264
Số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Tỷ lệ suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	17.105	17.105

Chi phí được nêu tại kết minh số 32 của báo cáo tài chính được tính dựa trên giá trị sổ sách của cổ phiếu, lượng của cổ phiếu chính nêu trong công ty đã điều chỉnh và số lượng cổ phiếu đã phát hành.

Số tiền lợi nhuận để tích lũy suy giảm trên cổ phiếu được trích từ quỹ khen thưởng và phúc lợi do Công ty cấp có số liệu về tỷ lệ trích lập năm 2016.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ CHI DOANH THU (TIẾP THEO)

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	92,561,760,490	92,561,760,490
Chi phí nhân công trực tiếp	196,859,311,343	196,859,311,343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,405,663,739	6,405,663,739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214,715,211,589	214,715,211,589
Chi phí khác	89,829,665,142	89,829,665,142
Chi phí sản xuất và chi doanh thu	600,371,410,303	600,371,410,303

Chi phí tiền lương của Công ty được trích lập theo quy định tại Thông tư 02/2015/QĐ-TW2 ngày 21/01/2015 của Hội đồng Quản trị về việc trích lập chi phí tiền lương năm 2016.

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ CUỐN TÀI CHÍNH

35.1. CHI PHÍ QUẢN LÝ CUỐN TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP THEO)

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định chi phí quản lý tài sản và nợ phải trả của đơn vị áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam, chi phí quản lý tài sản và nợ phải trả được quyết định công tin đối với công ty cổ phần và chi phí quản lý tài sản và nợ phải trả hiện hành chưa có hướng dẫn chi tiết, chi phí quản lý của các tài sản và công nợ tài chính, cũng như chi phí quản lý của các tài sản đang cho việc đầu tư và ghi nhận chi phí tài chính bao gồm chi phí quản lý tài sản phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, chi phí quản lý tài sản và nợ phải trả hợp lý của tài sản và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2016.

35. CÁC CHI TIẾT CHỈ SỐ (CHẾ ĐỘ P)

CÁC CHỈ SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

CT	Chi phí sản xuất hoàn chủ yếu và các chi phí công nghiệp, chi phí và công cụ tiêu	18.400.850.690
CS	Công cụ tiêu	18.400.850.690

VND
1.610.017.2016

TS	Tổng tài sản	112.589.284.297
TĐ	Từ đầu tư	109.755.531.792
VC	Vốn chủ sở hữu	82.352.81.031
VT	Vốn tạm ứng	12.903.077.874
CĐ	Công nợ	12.903.077.874
CT	Chi phí sản xuất và công nghiệp, chi phí và công cụ tiêu	12.903.077.874
CT	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý khác	161.071.250.685
CT	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.400.850.690
CT	Chi phí tài chính	18.400.850.690
G	Ghi nhận	112.589.284.297
TP	Tổng nợ	112.589.284.297

TĐ	Từ đầu tư	109.755.531.792
VC	Vốn chủ sở hữu	82.352.81.031
VT	Vốn tạm ứng	12.903.077.874
CĐ	Công nợ	12.903.077.874
CT	Chi phí sản xuất và công nghiệp, chi phí và công cụ tiêu	12.903.077.874
CT	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý khác	161.071.250.685
CT	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.400.850.690
CT	Chi phí tài chính	18.400.850.690
G	Ghi nhận	112.589.284.297
TP	Tổng nợ	112.589.284.297

35. CÁC CHI TIẾT CHỈ SỐ (CHẾ ĐỘ P)

CÁC CHỈ SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

CT	Chi phí sản xuất hoàn chủ yếu và các chi phí công nghiệp, chi phí và công cụ tiêu	18.400.850.690
CS	Công cụ tiêu	18.400.850.690

VND
1.610.017.2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thông tin này thay là bổ sung cho hành và cần đọc

theo tài liệu đính kèm theo)

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

35.1. RỦI RO VÀ CÁC YẾU TỐ CHÍNH

35.1.1. Tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng các giao dịch đối tác không thanh toán đúng hạn hoặc không thanh toán, có rủi ro này Công ty không phải (US \$)

Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng từ các giao dịch phòng ngừa và các tài chính phòng ngừa. Ban Tổng Giám đốc sẽ cân nhắc chi phí và lợi ích của các rủi ro tiềm tàng.

35.1.2. Tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái của các tài sản và nghĩa vụ tài chính. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ giá hối đoái. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ giá hối đoái. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ giá hối đoái. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ giá hối đoái.

35.1.3. Tỷ suất đổi tiền

Công ty chịu rủi ro tỷ suất đổi tiền của các tài sản và nghĩa vụ tài chính. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ suất đổi tiền. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ suất đổi tiền. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ suất đổi tiền.

35.1.4. Tỷ lệ chiết khấu

Công ty chịu rủi ro tỷ lệ chiết khấu của các tài sản và nghĩa vụ tài chính. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ lệ chiết khấu. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ lệ chiết khấu. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro tỷ lệ chiết khấu.

TRÁCH NHIỆM DẪN

Công ty chịu trách nhiệm đối với khoản nợ ngắn hạn. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro khoản nợ ngắn hạn. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro khoản nợ ngắn hạn. Công ty sẽ chuẩn bị các công cụ tài chính để giảm thiểu rủi ro khoản nợ ngắn hạn.

35. CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Bảng được trình bày chi tiết tại các mức chi tiết của hợp đồng thanh toán và chi phí phải trả khác của Công ty và các khoản chi phí phải trả khác của Công ty được trình bày chi tiết trong các thuyết minh chi tiết về các khoản phải trả cần trả. Bảng được trình bày dựa trên cơ sở kế toán đã được trình bày chi tiết trong các thuyết minh chi tiết về các khoản phải trả cần trả.

	Từ 1/1/2016	Đến 31/12/2016	Tổng
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND	VND
Phải trả ngắn hạn			
Phải trả ngắn hạn	83.07	83.07	85.107
Chi phí phải trả			25.770
Cộng			110.877
Phải trả dài hạn			
Phải trả dài hạn	263.010	263.010	477.874
Chi phí phải trả	270.161	270.161	522.286
Cộng			740.146
Cộng			851.023

Đơn vị chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính này là Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực và Công nghiệp và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Phải trả ngắn hạn và dài hạn được trình bày chi tiết trong các thuyết minh chi tiết về các khoản phải trả cần trả. Bảng được trình bày dựa trên cơ sở kế toán đã được trình bày chi tiết trong các thuyết minh chi tiết về các khoản phải trả cần trả.

	Đầu năm	Cuối năm	Tổng
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND	VND
Phải trả ngắn hạn			
Phải trả ngắn hạn			162.072
Chi phí phải trả	87	87	879.629
Cộng			1.041.701
Phải trả dài hạn			
Phải trả dài hạn	100,00	100,00	48.893
Chi phí phải trả	50,60	50,60	50.600
Cộng			99,60
Cộng			1.141.394
Cộng			1.141.394
Phải trả ngắn hạn			
Phải trả ngắn hạn			856.331
Chi phí phải trả			800.000
Cộng			1.656.331
Phải trả dài hạn			
Phải trả dài hạn	250,458	250,458	750.685
Chi phí phải trả	850,600	850,600	850.600
Cộng			1.601.058
Cộng			3.257.616

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo tài chính này được lập theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Kế toán Công ty, yêu cầu pháp luật Việt Nam và pháp luật Cộng hòa Pháp, các quy định của Ủy

ban Chứng khoán Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán của Pháp quốc.

Đơn vị tiền tệ: VND

Đơn vị tính: đồng phần trăm (%)

2016

1.676.979.824

Ngày lập	2016	2015
Tài sản bộ phận	86.253.000.000	1.090.442.985.697
Tổng tài sản	86.253.000.000	1.090.442.985.697
Tổng nợ	3.900.000.000	1.181.811.111.111

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

42

17/06/2017

17/06/2017

17/06/2017

17/06/2017

17/06/2017

17/06/2017

17/06/2017

CHIA SẺ

(Đơn vị tính:千 đồng)

37. CÁC TÀI SẢN

37.1 NGHĨA VỤ

Giao dịch

		Năm 2014	Năm 2015
		VND	VND
Doanh nghiệp		-	1.824.423.961
Ban		-	1.967.517.954
Ban		41.150.000	51.171.329.203
Ban		-	68.423.052.939
Ban		-	10.189.428.364
Ban		-	-
Ban		9.733.229.779	9.733.229.779
Ban		12.733.842.077	12.733.842.077
Ban		43.182.546.091	43.182.546.091
Ban		8.868.281.354	8.868.281.354
Ban		4.935.479.378	4.935.479.378
Ban		-	-
Công ty		-	-
Công ty		-	2.304.067.967
Công ty		-	361.855.563
Công ty		-	1.164.382.681
Công ty		-	290.957.177
Công ty	Thủy	1.110.600.000	1.110.600.000
Công ty	?	-	588.874.000
Công ty	?	-	4.406.483.481
Công ty		-	-
Công ty		-	1.561.816.455
Công ty		-	-
Công ty		-	269.799.130
Công ty		1.578.586.483	1.578.586.483
Công ty	Truy	54.680.273	54.680.273
Công ty	Truy	4.002.768.327	4.002.768.327
Công ty	?	938.408.679	938.408.679
Tổng cộng		-	10.086.273.628
Tổng cộng		-	1.154.454.191
Tổng cộng		-	680.527.676
Công ty		-	527.557.321
Công ty		-	-
Ban	DA	-	2.224.466.800
Ban	VI	-	42.488.213
Ban	VI	-	1.842.272.200
Ban	?	-	50.733.392

37. CÁC TH

37.1 NGHIỆP V

Giao dịch

	Năm 2015 VND
Doanh thu	-
Công ty Thi	2.570.197.431
Công ty Thi	1.312.555.962
Công ty Lu	302.623.303
Công ty Lu	1.538.173.622
Công ty CP	-
Công ty CP	104.951.400
Tập đoàn	11.611.864.069
Cộng	265.711.550.524

Số dư các

	Ngày 01/01/2016 VND
Các khoản	-
Phải thu	178.166.790
Ban QLDA	130.528.852
Ban QLDA	3.003.657.542
Ban QLDA	3.917.911.776
Ban QLDA	2.591.347.047
Ban QLDA	11.476.695
Ban QLDA	1.091.324
Ban QLDA	53.638.778
Công ty Tr	56.276.772
Công ty Tr	1.842.285
Công ty Tr	1.617.699.420
Công ty Ph	-
Công ty C	1.082.330.081
Công ty Th	1.052.895
Công ty Th	1.660.000
Công ty C	3.070.776
Ban QLDA	1.052.127
Công ty Th	1.399.430
Công ty CP	647.761.400
Công ty Th	473.290.785
Ban QLDA	2.357.844.264
Ban QLDA	16.737.034
Công ty Lu	1.078.835
Công ty Lu	1.847.719
Công ty Lu	1.524.303
BanQLDA	1.530.603.847

37. CÁC THÔNG TIN
37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ
Số dư các bên liên quan

		31/12/2016
		VND
Các khoản phải thu		
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Ban QLDA Nhiệt điện		218.240.417
Ban QLDA Điện hạt nhân		546.203.772
Ban QLDA TĐĐL Công nghiệp		1.584.000
Điện lực An Giang		-
Tổng công ty Phát điện		19.899.610
Tổng công ty Phát điện		51.515.004
<i>Trả trước cho người bán</i>		591.695.585
Công ty CP Tư vấn		131.982.790
Công ty CP Tư vấn		462.712.795
Các khoản phải thu		
<i>Người mua trả tiền</i>		
Ban QLDA CTTĐ		1.941.445.423
Ban QLDA CTTĐ	2,3	-
Ban QLDA CTTĐ	7,0	-
Ban QLDA Điện		87.366.666
Ban QLDA Điện	8	1.190.144.199
Ban QLDA Lương		500.000.000
Ban QLDA Lương		199.568.776
Ban QLDA Nhiệt		3.369.370.246
Ban QLDA Nhiệt		655.485.035
Ban QLDA Nhiệt	18,9	1.579.856.283
Ban QLDA Thủy	2	1.376.447
Ban QLDA Thủy	0	1.756.640.750
Ban QLDA Điện	1,7	-
Công ty CP Tư vấn		100.000.000
Công ty CP Tư vấn		-
Công ty CP Phát điện		-
Công ty CP Thủy		19.349.337
Công ty Thủy điện		19.962.109
Công ty CP Nhiệt	0	-
Công ty Điện lực		-
Công ty Lưới điện		12.050.392
Công ty Thủy		-
Công ty Thủy		-
Công ty Thủy		124.000.000
Công ty Thủy		208.175.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂY
32 Ngô Thời Nhiệm, Phường
THUYẾT MINH BÁO CÁO
(Các thuyết minh này là bộ phận

PHỤ LỤC SỐ 01 TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU 31/12/2016

37. CÁC THÔNG TIN
37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ
Số dư các bên liên q

		31/01/2016
		VND
Các khoản phải trả (Nợ)		
<i>Người mua trả tiền trước</i>		
Công ty Thủy điện Tây Nguyên		40.000.000
Công ty Truyền tải Điện lực Bình Dương		265.440.040
Tổng Công ty Phát điện		100
Tổng Công ty Phát điện		2.989.763
Công ty Cổ phần Tây Nguyên		151.850.000
Công ty Cổ phần Tây Nguyên		223.693.354
Công ty Cổ phần Tây Nguyên		100.000.000
Phải trả người bán	18.510	212.644.434
Khách sạn điện lực		100.057.500
Công ty Cổ phần Tây Nguyên		100.036.354
Công ty Cổ phần Tây Nguyên		55.950.580
Công ty DVSC các		-

37.2 NHỮNG KHOẢN N
Cam kết thuê hoạt đ

Công ty thuê nhà tại thành phố Hồ Chí Minh (32 Ngô Thời Nhiệm, 337/HĐTN-KI) với Minh. Theo phụ lục 01/01/2014 đến 31/12

các khoản thuê nhà số 337/HĐTN-KI Hồ Chí Minh từ ngày

37.3 NHỮNG SỰ KIỆN PH
Theo Hợp đồng được Hồ Chí Minh và Công ty tài sản trên đất tại Hồ Chí Minh, đến nay Công ty giao quyền sử dụng đất Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC SỐ 01 TỔNG HỢP

theo Hợp đồng thuê đất và quyền sử dụng đất tại Hồ Chí Minh và chuyển nhượng quyền sử dụng đất Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc
ký sự kiện nào khác c
hợp cũng như có hoặc

theo Hợp đồng thuê đất và quyền sử dụng đất tại Hồ Chí Minh và chuyển nhượng quyền sử dụng đất Hồ Chí Minh

sinh bất động sản

37.4 THÔNG TIN VỀ HO
Không có bất kỳ sự không có ý định của mình.

theo Hợp đồng thuê đất và quyền sử dụng đất tại Hồ Chí Minh và chuyển nhượng quyền sử dụng đất Hồ Chí Minh

theo Hợp đồng thuê đất và quyền sử dụng đất tại Hồ Chí Minh và chuyển nhượng quyền sử dụng đất Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & ĐẦU TƯ
32 Ngô Thời Nhiệm, Phường
THUYẾT MINH BÁO CÁO
(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính)

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG HỢP
31/12/2016

38. SỞ LIỆU SO SÁNH

Sở liệu so sánh trên
 31/12/2015 của Công

Trong năm 2016, Công
 chi phí lương và các
 tiền là 49.823.261.467,
 ứng với số tiền là 49.823.261.467
 31/12/2015, Báo cáo
 tài chính kết thúc ngày

CÁC CHỈ TIÊU TRỌNG

Chỉ tiêu

NGUỒN VỐN

Thuế và các khoản
 Phải trả người lao động
 Lợi nhuận sau thuế

CÁC CHỈ TIÊU CHỨC

Chỉ tiêu

Giá vốn hàng bán
 Chi phí quản lý doanh nghiệp
 Chi phí thuế TGTGT
 Lợi nhuận sau thuế
 Lãi cơ bản trên vốn
 Lãi suy giảm trên vốn

CÁC CHỈ TIÊU CHỨC

Chỉ tiêu

Lợi nhuận trước thuế
 Tăng, giảm cơ bản
 Lãi vay
 Lãi vay phụ thuộc
 nghiệp phải trả

Hoàng Thụy Phương
 Người lập báo cáo tài chính

đồng ý và ký tên, đóng dấu
 Giám đốc Tài chính
 Hoàng Thụy Phương

ngày 31/12/2016 tại ngày
 Thủ trưởng đơn vị
 Lê Thị Ngọc
 Giám đốc Tài chính
 Hoàng Thụy Phương

Chỉ tiêu **2016** **2015** **Số điều chỉnh**
(+) / (-) **(Giảm(-))**

-
 133 2.991.117.523
 11 49.823.261.467
 1.623 82.143.944

-
 11.716.494.976)
 1.570.766.491)
 2.991.117.523
 82.143.944
 7.065
 7.065

CHUẨN **Số điều chỉnh**
2016 **(+) / (-)** **(Giảm(-))**

11.716.494.976)
 1.570.766.491)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hoàng Thụy Phương
 Người lập báo cáo tài chính